

CN1 - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH
oOo

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của CƠ SỞ
“NHÀ MÁY NHUỘM HOÀN TẤT VẢI,
CÔNG SUẤT 6.000.000 MÉT SẢN PHẨM/NĂM”

Tây Ninh, tháng 05 năm 2025

CN1 - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH
oOo

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của CƠ SỞ
“NHÀ MÁY NHUỘM HOÀN TẤT VẢI,
CÔNG SUẤT 6.000.000 MÉT SẢN PHẨM/NĂM”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẦU
TƯ PHÁT TRIỂN LIÊN MINH



Nguyễn Ngọc Hoàng

CHỦ CƠ SỞ
CN1 - CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH



Trần Thị Thanh Phương

Tây Ninh, tháng 05 năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC CÁC BẢNG	vii
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	viii
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH NHÀ MÁY	1
A. TÓM TẮT VỀ XUẤT XỨ, HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA NHÀ MÁY.....	1
B. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	2
C. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA NHÀ MÁY.....	6
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	8
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	8
1.2. TÊN CƠ SỞ.....	8
1.2.1. Địa điểm cơ sở.....	8
1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án	10
1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)	11
1.2.4. Quy mô xây dựng của dự án.....	11
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	14
1.3.1. Công suất và sản phẩm của dự án đầu tư	14
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	14
1.3.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất	16
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ....	17
1.4.1. Khối lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất sử dụng tại dự án .	17
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	19
1.4.3. Nhu cầu sử dụng lao động và thời gian làm việc	19
1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước	19
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	22

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	22
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	23
2.2.1. Hiện trạng thu gom và xử lý nước mưa, nước thải của KCN.....	23
2.2.2. Hiện trạng thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại:	24
2.2.3. Đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của KCN.....	24
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	25
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	25
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	25
A. Nguồn phát sinh nước thải	25
B. Biện pháp thu gom, xử lý và thoát nước thải.....	26
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	32
3.2.1. Nguồn phát sinh.....	32
3.2.2. Biện pháp xử lý.....	32
A. Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển.....	32
B. Khí thải từ hoạt động lò hơi, lò nhiệt.....	33
C. Đối với mùi, hơi hóa chất trong quá trình sản xuất	34
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	35
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	35
A. Nguồn phát sinh.....	35
B. Biện pháp giảm thiểu tác động từ chất thải rắn sinh hoạt.....	36
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	36
A. Nguồn phát sinh	36
B. Biện pháp giảm thiểu	36
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	37
3.4.1. Nguồn phát sinh CTNH	37
3.4.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do CTNH	38

3.5.	CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	38
3.5.1	Nguồn phát sinh.....	39
3.5.2	Biện pháp giảm thiểu.....	39
3.6.	PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	40
3.6.1.	Biện pháp phòng chống cháy nổ	40
3.6.2.	Công trình phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy	42
3.6.3.	Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.....	44
3.6.4.	Biện pháp phòng ngừa sự cố bể tự hoại	48
3.6.5.	Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ, vỡ đường ống thoát nước thải	48
3.6.6.	Biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải	48
3.6.7.	Biện pháp phòng ngừa đối với hệ thống xử lý bụi	49
3.6.8.	Biện pháp phòng ngừa đối với hệ thống xử lý nước thải	49
3.7.	CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	50
	CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	51
4.1.	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	51
4.1.1.	Nguồn phát sinh nước thải.....	51
4.1.2.	Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép	51
4.1.3.	Dòng nước thải	51
4.1.4.	Thành phần ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	51
4.1.5.	Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	52
4.2.	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	52
4.2.1.	Nguồn phát sinh khí thải.....	52
4.2.2.	Lưu lượng xả khí thải tối đa	52
4.2.3.	Dòng khí thải	52
4.3.	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	52
4.3.1.	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính	52
4.3.2.	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	54
4.3.3.	Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	54

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	54
4.4.1. Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép	54
4.4.2. Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải nguy hại.....	55
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	56
5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI....	56
5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	57
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	59
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI.....	59
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI.....	59
6.2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	59
6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ dự án	60
6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	60
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	61
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	62

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	:	Bê tông cốt thép
L x W x H	:	Chiều dài x Chiều rộng x Chiều cao
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CP	:	Chính phủ
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
D x H	:	Đường kính x Chiều cao
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
KPH	:	Không phát hiện
KCN	:	Khu công nghiệp
GPMT	:	Giấy phép môi trường
HTTN	:	Hệ thống thoát nước
HTTNM	:	Hệ thống thoát nước mưa
HTTNT	:	Hệ thống thoát nước thải
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
NTSH	:	Nước thải sinh hoạt
NTSX	:	Nước thải sản xuất
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
SS	:	Chất rắn lơ lửng
TCXDVN	:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	:	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TP.HCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VOC	:	Chất hữu cơ dễ bay hơi

WHO : Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1: Tọa độ mốc ranh khu đất dự án.....	9
Bảng 1. 2: Chi tiết các hạng mục công trình của dự án	12
Bảng 1. 3: Công suất sản xuất trong năm hoạt động ổn định	14
Bảng 1. 4: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại Nhà máy.....	16
Bảng 1. 5: Danh sách nguyên, nhiên liệu sử dụng cho dự án.....	17
Bảng 1. 6: Nhu cầu hóa chất sử dụng cho dự án.....	18
Bảng 1. 7: Nhu cầu sử dụng nước của dự án	19
Bảng 3. 1: Lưu lượng nước thải của nhà máy	26
Bảng 3. 2: Thông số kỹ thuật hạng mục của HTXLNT, công suất 700 m ³ /ngày.đêm	29
Bảng 3. 3: Thông số kỹ thuật của HTXLNT, công suất 700 m ³ /ngày.đêm	30
Bảng 3. 4: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò nhiệt	34
Bảng 3. 5: Khối lượng CTR phát sinh tại nhà máy	36
Bảng 3. 6: Thành phần và khối lượng các loại CTNH	37
Bảng 3. 7: Phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	42
Bảng 4. 1: Thành phần ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải tại Nhà máy.....	51
Bảng 4. 2: Danh mục nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung xin được cấp phép.....	53
Bảng 4. 3: Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn	54
Bảng 4. 4: Giá trị giới hạn áp dụng đối với tiếng ồn:	54
Bảng 4. 5: Giá trị giới hạn áp dụng đối với độ rung:.....	54
Bảng 4. 6: Danh mục chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép	54
Bảng 4. 7: Danh mục chất thải nguy hại đề nghị cấp phép	55
Bảng 6. 1: Chương trình quan trắc môi trường.....	59
Bảng 6. 2: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	60

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. 1: Sơ đồ vị trí dự án trong KCN Trảng Bàng	9
Hình 1. 2: Quy trình nhuộm hoàn tất vải.	14
Hình 3. 1: Quy trình thu gom nước mưa tại nhà máy.	25
Hình 3. 2: Quy trình xử lý nước thải.....	27
Hình 3. 3: Cấu tạo bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh	31
Hình 3. 4: Quy trình xử lý khí thải.	33

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH NHÀ MÁY

A. TÓM TẮT VỀ XUẤT XỨ, HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA NHÀ MÁY

Tháng 10/2004, Công ty TNHH Dệt Phước Thịnh thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4502000254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh – Phòng Đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 05/08/2004.

Từ tháng 12/2007 đến nay, Công ty hoạt động với tên là Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh theo Giấy chứng nhận đầu tư số 45211000038 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tây Ninh cấp chứng nhận lần đầu ngày 31/05/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 17/09/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với Mã số chi nhánh: 3900357713-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh - Phòng đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 30/09/2015 tại địa chỉ đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường dự án Xây dựng nhà máy nhuộm hoàn tất vải số 590/STNMT-MTg ngày 17/12/2004. Với công suất sản xuất là 6.000.000 mét sản phẩm/năm, diện tích dự án là 6.000 m². Công ty đã đăng ký sử dụng 1 lò hơi (5 tấn/h), nhiên liệu sử dụng là dầu FO.

Tuy nhiên, từ khi đi vào hoạt động đến nay, diện tích đất Công ty sử dụng thực tế là 6.450 m² theo Phụ kiện hợp đồng số 01 đính kèm hợp đồng số 15CTL ngày 03/12/2004 (hợp đồng được đính kèm phụ lục). Ngoài ra, Công ty đã sử dụng 1 lò hơi (6 tấn/h), 2 lò nhiệt (45,1 kW và 77 kW), nhiên liệu sử dụng là củi và than đá. Bên cạnh đó, Công ty có bổ sung một số loại máy móc, thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và thay đổi diện tích các hạng mục xây dựng để phù hợp hơn cho quá trình sản xuất.

❖ Căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Căn cứ Phụ lục II Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, **Nhà máy thuộc STT5, Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)** quy mô trung bình (cột số 4, từ 5.000.000 đến dưới 50.000.000 m²/năm hoặc từ 1.000 tấn sản phẩm/năm đến dưới 10.000 tấn sản phẩm/năm đối với sản xuất sợi).
- Theo STT1, phụ lục IV, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì Nhà máy **thuộc nhóm II**, cụ thể “Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này”.

- Theo khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường: “Nhà máy đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”.
- Theo điểm d, khoản 2, điều 42 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 quy định thời điểm cấp giấy phép môi trường như sau: “Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.”

Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho “Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét sản phẩm/năm” với mục tiêu sản xuất vải nhuộm hoàn tất, công suất 6.000.000 mét sản phẩm/năm tại Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

B. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

B.1. Căn cứ Luật

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2001;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/06/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007;
- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17/6/2010 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/06/2010;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22/11/2013;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/06/2014;
- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/06/2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14 ngày 15/07/2018 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15/06/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20/11/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023;
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 27/11/2023;
- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024;
- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30/11/2024.

B.2. Nghị định

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

B.3. Thông tư

- Thông tư 02/2014/TT-BCT ngày 16/01/2014 của Bộ Công thương quy định các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành công nghiệp;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 48/2020/TT-BCT ngày 21/12/2020 của Bộ Công thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 18:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng;
- Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định về hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

B.4. Chỉ thị

- Chỉ thị số 03/CT – TTg ngày 05/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc hại;

B.5. Quyết định

- Quyết định số 26/2016/QĐ – TTg ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc;
- Quyết định số 04/2020/QĐ – TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ – TTg ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ;
- Công văn số 1924/BCT – HC ngày 19/03/2020 của Bộ Công Thương về việc đơn đốc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và quản lý an toàn hóa chất.

B.6. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;
- QCVN 03:MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.
- QCVN 31:2017/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với đường ống dẫn hơi nước và nước nóng;
- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- QCVN 01:2020/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn điện;
- QCVN 02:2020/BCA: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm bơm nước chứa cháy;
- QCVN 05:2020/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- QCVN 06:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.
- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

C. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA NHÀ MÁY

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 3900357713-001 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Tây Ninh – Phòng đăng ký kinh doanh cấp, đăng ký lần đầu ngày 31/05/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30/09/2015.
- Hợp đồng thuê lại đất trong khu công nghiệp Trảng Bàng số 15/CTL giữa Công ty TNHH Dệt Phước Thịnh và Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng KCN Trảng Bàng.
- Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt Tiêu chuẩn môi trường số 590/STNMT-MTg Dự án Xây dựng Nhà máy Nhuộm hoàn tất vải của Công ty TNHH Dệt Phước Thịnh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/12/2004.
- Giấy xác nhận đã thực hiện hoàn thành hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy nhuộm hoàn tất vải thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh số 2267/GXN-STNMT do UBND tỉnh Tây Ninh – Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/05/2017.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 387/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh cho dự án “Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét sản phẩm/năm”.
- Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 72000007.T do UBND tỉnh Tây Ninh – Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 11/11/2008.
- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số VP170/25/HĐXLTN-PT ngày 01/4/2025 giữa Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh và Công ty Cổ phần Môi trường Xanh VN.
- Hợp đồng xử lý nước thải số 47/HĐ-XLNT ngày 15/12/2014 giữa Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh và Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng KCN Tây Ninh.

- Hợp đồng vận chuyển rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp, thu mua phế liệu ngày 20/06/2024 giữa Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh và Công ty Môi Trường Xanh Huê Phương VN

(Các văn bản trên được đính kèm trong Phụ lục 1)

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

CHI NHÁNH 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH

Địa chỉ liên hệ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Người đứng đầu cơ quan: **Bà Trần Thị Thanh Phương**

- Chức vụ: Giám đốc
- Ngày sinh: 13/07/1980
- Quốc tịch: Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3900357713-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 31/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30/09/2015;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 45211000038 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31/05/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 17/09/2008.

1.2. TÊN CƠ SỞ

“NHÀ MÁY NHUỘM HOÀN TẤT VẢI, CÔNG SUẤT 6.000.000 MÉT SẢN PHẨM/NĂM”

1.2.1. Địa điểm cơ sở

Dự án được triển khai tại Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Tổng diện tích đất xây dựng dự án là 6.450 m². Nhà máy có các vị trí tiếp giáp các phía như sau:

- Phía Đông giáp: đường số 12;
- Phía Tây giáp: đất trống;
- Phía Nam giáp: đường số 8;
- Phía Bắc giáp: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh – Nhà máy Công nghiệp Sợi.

Bảng 1. 1: Tọa độ mốc ranh khu đất dự án

Ký hiệu mốc	Tọa độ (hệ VN 2000)	
	X	Y
1	1218456	596366
2	1218402	596482
3	1218455	596508
4	1218521	596398
5	1218491	596468
6	1218481	596461



Hình 1. 1: Sơ đồ vị trí dự án trong KCN Trảng Bàng

❖ **Khoảng cách từ dự án đến các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội và các đối tượng khác xung quanh**

Khoảng cách từ dự án đến các đối tượng xung quanh:

- Cách nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN khoảng 500m về phía Tây Nam;
- Cách rạch Trường Chùa (nguồn tiếp nhận nước thải của KCN) 2.000m về phía Tây;
- Cách văn phòng quản lý KCN Trảng Bàng 1.200m về phía Đông Bắc;
- Xung quanh dự án hiện chủ yếu là một số Công ty đang hoạt động sản xuất tại KCN không có các đối tượng như chùa, nhà thờ, nghĩa trang, khu bảo tồn thiên nhiên.

❖ **Với vị trí này, dự án có một số thuận lợi sau**

Hệ thống giao thông đường bộ khu vực dự án thuận tiện và là địa bàn lý tưởng – Trung tâm vùng động lực phát triển phía Nam: Tây Ninh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ, gần các cửa khẩu cho các Doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, phát triển công nghiệp, vận chuyển và xuất khẩu hàng hoá sang thị trường Đông Nam Á.

Nằm cạnh xa lộ Xuyên Á (đoạn Quốc lộ 22). Hệ thống giao thông, liên lạc thuận tiện nên rất thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên vật liệu và phân phối sản phẩm:

- Cách thành phố Tây Ninh 53 km.
- Cách trung tâm TP. Hồ Chí Minh 43 km.
- Cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất 37 km.
- Cách cảng container TP. Hồ Chí Minh 45 km.
- Cách Khu Chế Xuất Linh Trung I 48 km.
- Cách Khu Chế Xuất Linh Trung II 45 km.
- Cách cửa khẩu quốc tế Mộc Bài 28 km.

Hệ thống an ninh trong KCN được tổ chức, quản lý và tuần tra chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn; hướng đến mục tiêu duy trì và bảo vệ an ninh cho các doanh nghiệp hoạt động an toàn và bền vững.

1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

Công ty đã được cấp:

- Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt Tiêu chuẩn môi trường số 590/STNMT-MTg Dự án Xây dựng Nhà máy Nhuộm hoàn tất vải của Công ty TNHH Dệt Phước Thịnh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/12/2004.
- Giấy xác nhận đã thực hiện hoàn thành hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy nhuộm hoàn tất vải thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh số 2267/GXN-STNMT do UBND tỉnh Tây Ninh – Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/05/2017.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 387/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh cho dự án “Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét sản phẩm/năm”.
- Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 72000007.T do UBND tỉnh Tây Ninh – Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 11/11/2008.
- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số VP170/25/HĐXLTN-PT ngày 01/4/2025 giữa Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh và Công ty Cổ phần Môi trường Xanh VN.

- Hợp đồng vận chuyển rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp, thu mua phế liệu ngày 20/06/2024 giữa Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh và Công ty Môi Trường Xanh Huê Phương VN
- Hợp đồng xử lý nước thải số 47/HĐ-XLNT ngày 15/12/2014 giữa Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh và Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng KCN Tây Ninh.

(Các văn bản được đính kèm trong Phụ lục 1)

1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Căn cứ theo Phụ lục I, nhóm C, phần III của Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 thì Nhà máy có tổng vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc **nhóm C**.

- ⇒ Nhà máy “Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét sản phẩm/năm” có tổng vốn đầu tư là 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng) thì Nhà máy thuộc **nhóm C** có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

1.2.4. Quy mô xây dựng của dự án

Dự án được thực hiện tại: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Bảng 1. 2: Chi tiết các hạng mục công trình của dự án

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ(%)
I	Hạng mục xây dựng	4.700	72,87
1	Nhà xưởng (đã bố trí khu vực chứa CTR sản xuất trong nhà xưởng với diện tích 20 m ²)	4.000	62,02
2	Văn phòng	100	1,55
3	Nhà bảo vệ	20	0,31
4	Nhà xe	30	0,47
5	Kho hóa chất	40	0,62
6	Phòng pha thuốc nhuộm	4	0,06
7	Khu vực lò hơi	20	0,39
8	Khu vực lò nhiệt	30	0,39
9	Khu vực XLKT lò hơi	15	0,23
10	Khu vực XLKT lò nhiệt	15	0,23
11	Kho chứa CTR sinh hoạt	3	0,05
12	Kho chứa CTNH	4	0,06
13	Hệ thống xử lý nước thải	300	4,65
14	Các hạng mục công trình phụ trợ như: trạm biến áp, bể nước, kho hàng hóa...	379	5,88
II	Đường nội bộ	200	3,10
III	Cây xanh	1.290	20,00
Tổng diện tích		6.450	100,00

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

❖ Hệ thống cấp nước

Hệ thống cấp nước gồm đường ống cấp nước chính nối từ ống cấp nước thủy cục đến bể chứa nước. Từ đây nước được bơm đi cấp cho các vị trí sử dụng nước bằng đường ống HDPE. Đường ống cấp nước HDPE có tiết diện ống dao động từ Ø90 đến Ø114 tùy theo lưu lượng cấp nước đến từng vị trí sử dụng.

Nguồn cấp nước: Công ty CP Cấp Thoát Nước Tây Ninh.

❖ **Hệ thống cấp điện**

Điện được sử dụng cấp cho hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất, phục vụ chiếu sáng các công trình sản xuất và chiếu sáng cho toàn nhà máy.

Nguồn cấp điện: Công ty Điện lực Tây Ninh – Điện lực Trảng Bàng.

❖ **Hệ thống thoát nước mưa**

Hệ thống thoát nước mưa của Công ty được bố trí dọc theo nhà xưởng và riêng biệt với tuyến thoát nước thải. Nước mưa từ trên mái nhà xưởng được thu gom và dẫn về đường thoát nước mưa dọc nhà xưởng bằng đường ống Ø114. Toàn bộ nước mưa của Công ty sau khi thu gom vào tuyến ống riêng được đầu nối vào Hệ thống thu gom nước mưa của KCN Trảng Bàng.

❖ **Hệ thống thoát nước thải**

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy bằng đường ống kín uPVC Ø140 âm dưới đất.

Nước thải sản xuất từ quá trình nhuộm, vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò nhiệt... được thu gom dẫn từ nhà xưởng về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Trảng Bàng để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường.

❖ **Hệ thống thông tin liên lạc**

Hệ thống thông tin liên lạc với chức năng liên lạc, truyền thông tin, thông báo, tìm kiếm dữ liệu,... khi cần thiết. Hệ thống thông tin liên lạc trong Nhà máy gồm các loại hình như sau: Hệ thống Internet; Hệ thống điện thoại; Camera.

❖ **Hệ thống phòng cháy chữa cháy**

Hệ thống cấp nước chữa cháy cho Nhà máy được thiết kế áp dụng theo các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn TCVN 5760 : 1993 Yêu cầu chung về thiết kế lắp đặt và sử dụng hệ thống chữa cháy.
- Tiêu chuẩn TCVN 4513 : 1988 Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 5739 : 1993 Thiết bị chữa cháy – Đầu nối.
- Tiêu chuẩn TCVN 5740 : 2009 Phương tiện phòng cháy chữa cháy - vòi đẩy chữa cháy - vòi đẩy bằng sợi tổng hợp tráng cao su.
- TCVN 2622 : 1995 Phòng cháy chống cháy cho Nhà máy và công trình.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.3.1. Công suất và sản phẩm của dự án đầu tư

Căn cứ vào chất liệu vải Công ty sử dụng nhuộm tại Nhà máy, ước tính 4 mét vải ≈ khoảng 1 kg vải. Do đó, công suất sản xuất của Công ty được trình bày như sau:

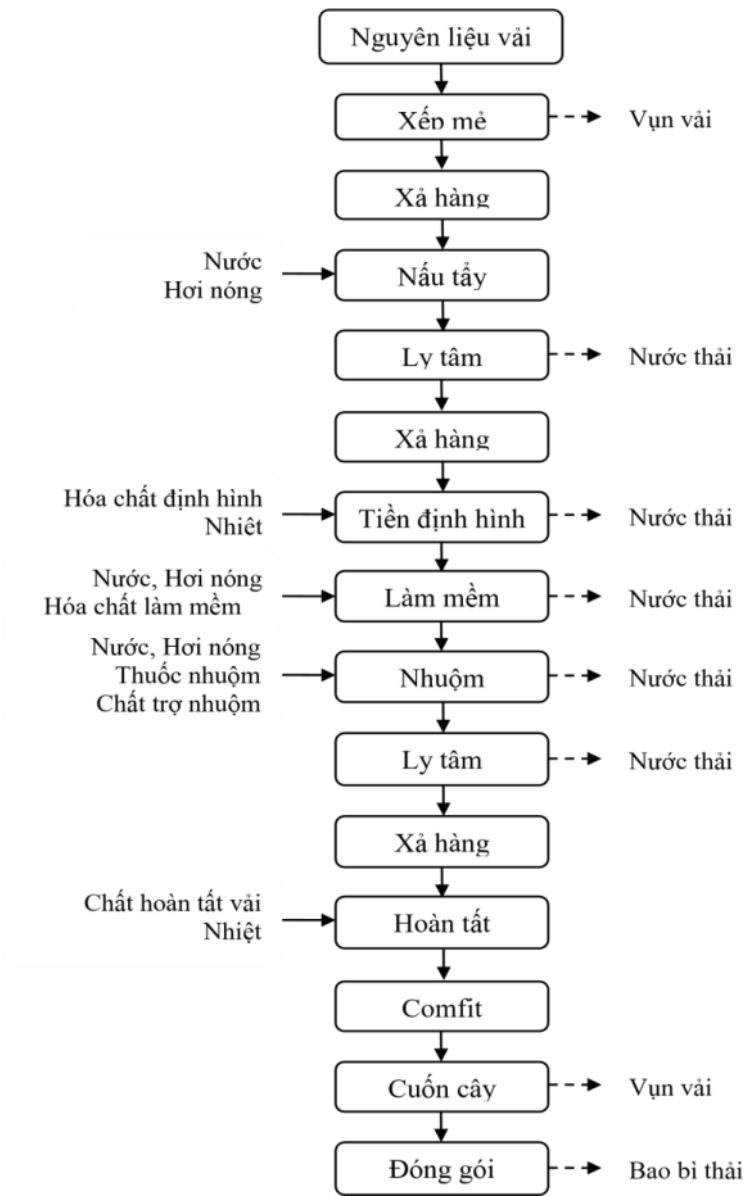
Bảng 1. 3: Công suất sản xuất trong năm hoạt động ổn định

Stt	Sản phẩm	Công suất		Thị trường tiêu thụ
		Mét sản phẩm/năm	Tấn sản phẩm/năm	
1	Vải đã nhuộm hoàn tất	6.000.000	1.500	Việt Nam

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Quy trình sản xuất của Công ty được trình bày như sau



Hình 1. 2: Quy trình nhuộm hoàn tất vải.

❖ **Thuyết minh quy trình:**

Nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất là vải với số lượng khoảng 6.000.000 mét/năm, tương đương khoảng 1.500 tấn/năm. Quy trình nhuộm vải hoàn tất gồm các công đoạn như sau:

Xếp mẻ: Nguyên liệu sau khi nhập về được phân hàng theo từng mẻ để đem đi xả hàng.

Xả hàng: Từng mẻ đã được xếp sẽ được xả ra bằng máy xả hàng giúp cho các quá trình sau được thực hiện tốt hơn.

Nấu tẩy: Quá trình nấu được thực hiện theo từng mẻ, quá trình này nhằm loại bỏ tạp chất và rửa bỏ hồ để vải thấm nước hơn. Nhiệt được cấp từ lò nhiệt hiện hữu của công ty.

Ly tâm: Quá trình này nhằm làm khô vải sau khi nấu tẩy được thực hiện bằng máy ly tâm.

Xả hàng: Quá trình này được thực hiện nhằm làm thẳng lại vải do sau khi ly tâm vải sẽ không được thẳng.

Tiền định hình: Quá trình này nhằm làm cho vải trở về dạng ổn định, chống nhàu và làm vải bóng mượt hơn bằng máy căng hoàn tất vải loại MONTEX 5.000.

Làm mềm: Quá trình này nhằm làm vải mềm và dễ hấp thụ thuốc nhuộm. Tại đây có sử dụng Acid acetic và xút NaOH 32%.

Nhuộm: Vải sau khi làm mềm được chuyển qua công đoạn nhuộm màu. Tại đây sử dụng các loại hóa chất nhuộm và trợ chất nhuộm. Trong quá trình nhuộm, hóa chất nhuộm, chất trợ nhuộm sẽ được pha theo tỷ lệ phù hợp tùy theo loại vải vào bồn đựng hóa chất. Hóa chất từ bồn hóa chất sẽ được châm vào máy nhuộm. Mỗi máy nhuộm sẽ có hệ thống điều khiển tự động riêng. Đầu tiên vải sẽ được cho vào máy nhuộm và đóng nắp máy nhuộm lại, máy sẽ hoạt động dưới sự điều khiển của người vận hành máy. Sau khi ấn nút cho máy nhuộm hoạt động, quá trình nhuộm sẽ tự diễn ra đến khi kết thúc mẻ. Máy nhuộm được đóng kín hoàn toàn trong suốt quá trình nhuộm. Dưới tác dụng của hóa chất nhuộm, chất trợ nhuộm và hơi nóng từ 120-130oC thì màu sẽ được thấm sâu vào vải. Tùy theo loại vải mà thời gian nhuộm khác nhau dao động khoảng 8-10h/mẻ. Sau khi nhuộm, nước thải từ máy nhuộm sẽ được xả ra mương dẫn nước thải trong nhà xưởng, các mương dẫn này sẽ dẫn nước thải về HTXL nước thải của Nhà máy.

Ly tâm: Sau khi nhuộm vải được cho qua máy chạy ly tâm nhằm làm khô vải.

Xả hàng: Sau khi ly tâm vải không được thẳng do đó phải qua công đoạn xả hàng nhằm làm cho vải thẳng.

Hoàn tất: Sau quá trình nhuộm vải bị giãn theo chiều dài và co theo chiều dọc, không thẳng góc, bị nhăn,... Vì vậy phải sử dụng các chất hoàn tất vải nhằm làm cho vải đẹp hơn, mềm hơn theo yêu cầu của khách hàng.

Comfit: Sau khi hoàn tất vải được cho qua máy comfit nhằm làm tăng tính không nhàu cho vải. Nguyên tắc của máy này là dùng nhiệt độ ủi thẳng vải và làm cho vải mềm hơn.

Cuốn cây: Sau công đoạn comfit đã tạo thành vải đã nhuộm hoàn tất và chuyển qua công đoạn cuốn cây. Cây vải có khối lượng, khổ vải theo yêu cầu của khách hàng.

Tại công đoạn này, đối với khách hàng yêu cầu khổ vải nhỏ thì vải sẽ được xẻ bằng máy xẻ khổ vải, đối với khách hàng yêu cầu khổ vải to thì vải sẽ được may lại bằng máy may khổ vải.

Đóng gói: Sau cuốn cây vải sẽ được bao bọc lại bằng bao nilong và đóng gói theo yêu cầu của khách hàng.

1.3.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

Trong quá trình hoạt động sản xuất từ năm 2004, Công ty thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Đồng thời, Công ty đã thay mới một số máy móc, thiết bị không thể sử dụng được nữa nhằm đảm bảo quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy. Nhu cầu trang thiết bị, máy móc cho sản xuất của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 4: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại Nhà máy

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất (kW/máy)	Xuất xứ	Năm sản xuất	Hiện trạng
1	Máy xả hàng	Cái	2	-	Trung Quốc	2004	Tốt
2	Máy nấu tẩy	Cái	4	39	Trung Quốc	2015	Tốt
3	Máy sấy	Cái	1	35	Trung Quốc	2014	Tốt
4	Máy ly tâm	Cái	2	11	Trung Quốc	2004	Tốt
5	Máy tiền định hình	Cái	1	220	Trung Quốc	2015	Tốt
6	Máy làm mềm vải	Cái	2	27	Trung Quốc	2004	Tốt
7	Máy nhuộm vải	Cái	8	39	Trung Quốc	2004	Tốt
8	Máy nhuộm vải Jet	Cái	5	43,7	Trung Quốc	2015	Tốt
9	Máy comfit	Cái	1	15,5	Trung Quốc	2009	Tốt
10	Máy cuốn cây	Cái	2	-	Trung Quốc	2004	Tốt
11	Máy xẻ khổ vải	Cái	1	5,5	Trung Quốc	2014	Tốt

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất (kW/máy)	Xuất xứ	Năm sản xuất	Hiện trạng
12	Máy may lại khổ vải	Cái	1	6	Trung Quốc	2014	Tốt
13	Lò dầu tải nhiệt 40.000 Kcal/h	Cái	1	45,1	Trung Quốc	2014	Tốt
14	Lò dầu tải nhiệt YGL – 1.900GM 70.000 Kcal/h	Cái	1	77	Trung Quốc	2015	Tốt
15	Lò hơi	Hệ	1	6 tấn/h	Trung Quốc	2014	Tốt

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.4.1. Khối lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất sử dụng tại dự án

Nhu cầu nguyên, vật liệu, hóa chất sử dụng cho hoạt động sản xuất hiện tại và tối đa trong năm được trình bày như sau

Bảng 1. 5: Danh sách nguyên, nhiên liệu sử dụng cho dự án

Stt	Tên nguyên, vật liệu, hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng	Nguồn cung cấp
I	Nguyên liệu				
1	Vải	Mét/năm	6.000.000	Sản xuất	Việt Nam
2	Thùng carton	Thùng/năm	8.640	Đóng gói	Việt Nam
3	Bao bì	Tấn/năm	1,44	Đóng gói	Việt Nam
II	Nhiên liệu				
1	Củi	Tấn/năm	1.440	Đốt lò hơi, lò nhiệt	Việt Nam
2	Than đá	Tấn/năm	1.450	Đốt lò hơi, lò nhiệt	Việt Nam

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

Hiện tại, than là nhiên liệu chính phục vụ quá trình đốt lò hơi, lò nhiệt. Tuy nhiên, trong trường hợp thị trường không đủ khả năng đáp ứng thì Công ty sẽ sử dụng nhiên liệu thay thế là củi để phục vụ quá trình đốt lò hơi, lò nhiệt tại Công ty.

Bảng 1. 6: Nhu cầu hóa chất sử dụng cho dự án

Stt	Tên nguyên, vật liệu, hóa chất	Thành phần hóa học	Định mức sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng	Nguồn cung cấp
I	Hóa chất phục vụ quá trình sản xuất						
1	Hóa chất định hình	Silicone	3,04 kg/ 1 tấn sản phẩm	Tấn/năm	4,56	Làm mềm vải	Trung Quốc
2	Chất làm mềm vải	CH ₃ COOH, NaOH 32%	6,88 kg/ 1 tấn sản phẩm	Tấn/năm	10,32	Làm mềm	Việt Nam
3	Thuốc nhuộm		34,08 kg/ 1 tấn sản phẩm	Tấn/năm	51,12	Nhuộm	Châu Âu
3.1	Thuốc nhuộm phân tán (Synolon SE, Disperse)	Gốc antroquiron, metin...	-	Tấn/năm	15,84	-	-
3.2	Thuốc nhuộm hoạt tính (Synolon HF, Remazol)	Chứa lưu huỳnh và các gốc diazo, atroquiron, phtalox-ianin, focmazan (phức kim loại)...	-	Tấn/năm	35,28	-	-
4	Chất trợ nhuộm	Polyoxyethylene fatty acid ester - Carboxylic & protein compounds Wate	25,92 kg/ 1 tấn sản phẩm	Tấn/năm	38,88	Đều màu	Việt Nam
5	Chất hoàn tất vải	-	1,28 kg/ 1 tấn sản phẩm	Tấn/năm	1,92	Mềm vải	Việt Nam
6	Chất vệ sinh máy	-	6,72 kg/ 1 tấn sản phẩm	Tấn/năm	10,08	Tẩy máy	Việt Nam
II	Hóa chất xử lý môi trường						
1	Axit Sulfuric	H ₂ SO ₄	-	Tấn/năm	43,2	Xử lý nước thải	Việt Nam

Stt	Tên nguyên, vật liệu, hóa chất	Thành phần hóa học	Định mức sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng	Nguồn cung cấp
2	Phèn nhôm	$KAl(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$	-	Tấn/năm	6,62	Xử lý nước thải	Việt Nam

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

Hóa chất được nhập về có nguồn gốc từ: Trung Quốc, Châu Âu và Việt Nam. Hóa chất dự án sử dụng tuân thủ theo Luật Hóa chất Việt Nam 2007; nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và theo Thông tư 20/2013/TT-BCT ngày 05/8/2013 của Bộ Công thương quy định về việc lập kế hoạch và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp. Đồng thời, Chủ đầu tư sử dụng các loại hóa chất nhuộm thân thiện với môi trường thay thế các hóa chất nhuộm truyền thống gây ô nhiễm môi trường.

Tất cả các hóa chất sử dụng cho Dự án không nằm trong danh sách hóa chất cấm hoặc hạn chế sử dụng tại Việt Nam.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện: điện chiếu sáng công trình, điện chiếu sáng toàn Công ty, sử dụng cho các thiết bị sản xuất.

Nhu cầu sử dụng điện với lượng tiêu thụ cực đại khoảng 240.000 Kwh/tháng.

Nguồn cung cấp điện: Công ty Điện Lực Tây Ninh – Điện Lực Trảng Bàng

1.4.3. Nhu cầu sử dụng lao động và thời gian làm việc

Nhu cầu lao động khi hoạt động tối đa khoảng 25 người. Thời gian làm việc 8 tiếng/ca.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước

Tổng nhu cầu cấp nước tại Dự án là 468,73 m³/ngày. Bảng cân bằng sử dụng nước của Nhà máy được trình bày như sau:

Bảng 1. 7: Nhu cầu sử dụng nước của dự án

Stt	Mục đích	Định mức sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)
I	Sản xuất		465,6
1	Nước cấp cho công đoạn nấu tẩy	9,6 m ³ / tấn sản phẩm	48
2	Nước cấp cho công đoạn làm mềm	22,4 m ³ / tấn sản phẩm	112

Stt	Mục đích	Định mức sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)
3	Nước cấp cho công đoạn nhuộm	28,8 m ³ / tấn sản phẩm	144
4	Nước cấp cho lò hơi	-	144
5	Nước cấp cho xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt	-	8,8
6	Nước cấp cho xử lý khí thải lò hơi	-	8,8
II	Sinh hoạt của công nhân	45 lít/người/ca x 25 người	1,13
III	Tưới cây	-	2
Tổng cộng			468,73

Nguồn: Chi nhánh 1 – Công ty CP ĐT Dệt Phước Thịnh, năm 2023

Nhu cầu nước phục vụ quá trình hoạt động sản xuất được tính như sau:

Sinh hoạt của công nhân viên:

Số lượng công nhân viên làm việc tại Nhà máy là 25 người.

⇒ Lượng nước sử dụng để sinh hoạt là: 4,73 m³/ngày.

Sản xuất:

Căn cứ vào quá trình hoạt động tại Công ty, định mức sử dụng nước cho toàn bộ quá trình nhuộm khoảng 61 m³/tấn sản phẩm. Cụ thể như sau:

Nước cấp cho công đoạn nấu tẩy:

- Sản phẩm của Công ty khi hoạt động với công suất tối đa là 6.000.000 mét sản phẩm/năm, tương đương 20.000 mét sản phẩm/ngày.

⇒ Vậy lượng nước cấp cho công đoạn nấu tẩy là: 48 m³/ngày.

Nước cấp cho công đoạn làm mềm:

- Tổng sản phẩm của Công ty là 6.000.000 mét sản phẩm/năm, tương đương 20.000 mét sản phẩm/ngày.

⇒ Vậy lượng nước cấp cho công đoạn làm mềm là: 112 m³/ngày.

Nước cấp cho công đoạn nhuộm:

- Tổng sản phẩm của Công ty là 6.000.000 mét sản phẩm/năm, tương đương 20.000 mét sản phẩm/ngày.

⇒ Vậy lượng nước cấp cho công đoạn nhuộm là: $144 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước cấp cho lò hơi:

- Thời gian lò hơi hoạt động là 24h/ngày.

⇒ Vậy, lượng nước cấp cho lò hơi là $144 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi:

- Lượng nước cấp được sử dụng tuần hoàn trong 3 ngày.

⇒ Vậy lượng nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải cho lò hơi khoảng $8,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò nhiệt:

- Lượng nước cấp được sử dụng tuần hoàn trong 3 ngày.

⇒ Vậy lượng nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải cho lò hơi khoảng $8,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước dùng tưới cây:

Theo TCXDVN 33:2006 định mức nước sử dụng phục vụ cho nhu cầu tưới cây xanh 4 – 6 lít/ m^2 /ngày. Diện tích cây xanh của Công ty khoảng 1.290 m^2 . Tuần suất tưới trung bình 4 ngày/1 lần.

⇒ Vậy lượng nước cấp cho tưới cây khoảng $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Lượng nước sử dụng cho PCCC:

Công ty đã xây dựng bể chứa nước ngầm để phục vụ cho công tác PCCC với thể tích 100 m^3 .

Nguồn cung cấp nước: Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Tây Ninh..

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Cơ sở được đặt tại Khu công nghiệp Trảng Bàng do Công ty CP Phát triển Hạ tầng KCN Tây Ninh làm Chủ đầu tư.

Một số ngành đang hoạt động tại KCN như sau:

- Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm;
- Công nghiệp nhựa, chế biến các sản phẩm cao su, y tế (không chế biến);
- Công nghiệp may mặc, sợi, dệt nhuộm;
- Công nghiệp da giấy (không thuộc da);
- Công nghiệp sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao, đồ chơi, nữ trang;
- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, trang trí nội thất;
- Công nghiệp bao bì, chế bản, thiết kế mẫu mạ, in ấn giấy;
- Công nghiệp sản xuất hoá chất;
- Công nghiệp cơ khí, cơ khí chính xác, dụng cụ y tế;
- Công nghiệp điện máy, điện công nghiệp, điện gia dụng;
- Công nghiệp sản xuất thép xây dựng, thép ống.
- Số lượng công nhân trong toàn KCN hiện tại khoảng 20.000 người.

Hiện trạng sử dụng đất: giai đoạn 1 KCN Trảng Bàng có diện tích là 190,26 ha bao gồm 2 bước: bước 1: 92,76 và bước 2: 97,26 ha. Tình hình đầu tư hạ tầng KCN:

- Xây dựng hệ thống đường nội bộ: 100%
- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải: 100%
- Trồng cây xanh KCN: 18,2%

Tình hình thu hút đầu tư: Hiện nay, KCN Trảng Bàng đã lấp đầy khoảng 92,76% diện tích bao gồm 70 dự án đã được cấp phép đầu tư trong đó: 60 dự án đi vào hoạt động; 10 dự án đang triển khai.

Cơ sở hạ tầng:

- Giao thông: Đường nội bộ trải thảm bê tông nhựa nóng và thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam có chiều rộng từ 36 m bao gồm 06 làn xe, đảm bảo xe container và các phương tiện giao thông khác lưu thông thuận lợi. Tất cả các khu vực trong vườn công nghiệp đều được liên kết với hệ thống đường giao thông nội bộ, đảm bảo việc lưu thông nội bộ dễ dàng.

- Cấp nước: KCN Trảng Bàng xây dựng nhà máy cung cấp nước với tổng công suất là 37.0000 m³/ngày đêm phục vụ cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Chất lượng nước theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCXD 33:2006) đáp ứng nhu cầu nước sạch cho các doanh nghiệp sản xuất trong KCN.
- Cấp điện: hiện tại lưới điện khu vực được cấp điện chủ yếu từ nguồn điện quốc gia. Tuyến điện phân phối trung thế 22 KV được phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông, trạm biến áp 110KV/22KV có công suất 40 MVA. Hệ thống đèn chiếu sáng được bố trí đều khắp các tuyến đường giao thông trong KCN.
- Thông tin liên lạc: KCN Trảng Bàng đã và đang hợp tác với VNPT Trảng Bàng để cung cấp những dịch vụ viễn thông hiện đại như: hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống internet, hệ thống dịch vụ bưu chính....cho các nhà đầu tư.
- Thoát nước mưa: Đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải để thoát nước trong KCN. Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thoát nước thải.
- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải của từng nhà máy, xí nghiệp... trong KCN phải xử lý sơ bộ đạt quy định của KCN trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN.

Do đó, **“Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét sản phẩm/năm”** hoàn toàn phù hợp với quy hoạch xây dựng của KCN và quy hoạch phát triển của tỉnh Tây Ninh.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.2.1. Hiện trạng thu gom và xử lý nước mưa, nước thải của KCN

Hiện trạng thu gom nước mưa:

- Nước mưa được thu gom riêng bằng hệ thống tuyến cống bê tông dọc theo các tuyến đường trong KCN, có đường kính từ Ø 600 - Ø 1500. Có hai vị trí để xả lượng nước này: một ra thẳng mương hở vào rạch Trường Chùa, một vào hồ hoàn thiện rồi mới vào mương hở ra rạch Trường Chùa.

Hiện trạng thu gom nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các nhà máy trong KCN Trảng Bàng với nhiều ngành nghề khác nhau, nên có các tính chất khác nhau. Lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất đều được dẫn chung một hệ thống về trạm XLNTTT để xử lý.
- Tuyến cống thu nước thải được xây dựng dọc theo lề đường nằm bên trong, gần nhà máy hơn so với tuyến thoát nước mưa.
- Cống thu gom nước thải có đường kính Ø1.800 được thiết kế tự chảy hoàn toàn về hồ thu của nhà máy XLNTTT, việc thu gom nước thải của các nhà máy xí nghiệp,

khu điều hành được thu gom bằng các tuyến cống BTCT Ø300, Ø400, Ø500, Ø600, Ø800, Ø1.000, tự chảy về trạm XLNTTT.

Hiện trạng xử lý nước thải của trạm XLNTTT:

- Hệ thống xử lý nước thải của KCN Trảng Bàng là một hệ thống hoàn chỉnh, bao gồm mạng lưới thu gom nước thải và trạm XLNTTT.
- Công nghệ xử lý: NMXLNT tập trung KCN Trảng Bàng được thiết kế và vận hành theo công nghệ xử lý hóa lý kết hợp với xử lý sinh học hiếu khí.
- Công suất thiết kế giai đoạn 01 của trạm XLNTTT KCN Trảng Bàng là 5.000 m³/ngày đêm.
- Công suất thiết kế giai đoạn 02 của trạm XLNTTT tập trung KCN Trảng Bàng là 2.500 m³/ngày.đêm.
- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$, $K_t=0,9$) trước khi xả ra rạch Trường Chừa, nước thải sau đó tự chảy ra sông Vàm Cỏ Đông.

2.2.2. Hiện trạng thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Hiện nay, các nhà máy sản xuất trong KCN Trảng Bàng đều kí Hợp đồng thu gom chất thải rắn (gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp) với các đơn vị chức năng.
- Một số đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển rác thải như: Công ty TNHH TM và SX Ngọc Tân Kiên, Công ty TNHH SX TM DV Á Châu, DNTN thu gom rác Thanh Hiền, Công ty TNHH DV vệ sinh Huy Ý, Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng, Công ty CP Môi trường Xanh VN...

2.2.3. Đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của KCN

Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 700 m³/ngày. Hệ thống xử lý nước thải của Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy xác nhận đã thực hiện hoàn thành hệ thống xử lý nước thải số 2267/GXN-STNMT ngày 12/05/2017.

Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào trạm XLNTTT của KCN Trảng Bàng. Với tổng công suất của HTXLNT là 7.500 m³/ngày đêm, KCN Trảng Bàng đảm bảo có khả năng tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải của nhà máy trước khi thải ra môi trường.

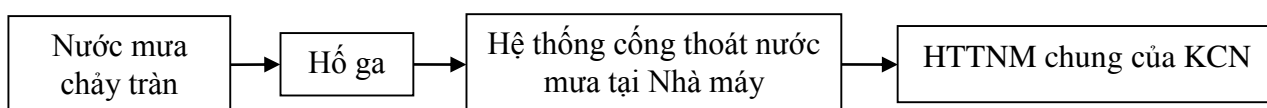
CHƯƠNG III:

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Để giảm thiểu tác động nước mưa chảy tràn, công ty đã thực hiện các biện pháp sau:



Hình 3. 1: Quy trình thu gom nước mưa tại nhà máy.

- Không chế các nguồn gây ô nhiễm môi trường (khí thải, nước thải, CTR...) theo đúng quy định. Khu vực sân bãi thường xuyên được làm vệ sinh sạch sẽ, không để rơi vãi chất thải trong quá trình hoạt động của dự án.
- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải, khu vực sân bãi và khu hành lang được tráng bê tông tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh.
- Nước mưa được thoát vào hệ thống cống BTCT riêng, chảy vào các hố ga để lắng cát sau đó thoát vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Trảng Bàng.
- Các tuyến cống và mương thoát nước mưa bố trí dọc theo xung quanh nhà máy và các hạng mục để đảm bảo thu hết nước mặt và thu nước mái. Các tuyến ống sau khi thu gom nước sẽ được tập trung vào một nhánh trước khi thoát ra bên ngoài nhà máy.
- Nhằm đảm bảo cho hệ thống thoát nước mưa hoạt động liên tục và có hiệu quả, phải nạo vét cống, mương, hố ga, làm vệ sinh lưới chắn rác theo định kỳ và trước mỗi mùa mưa.
- Công ty có 01 hố ga đầu nối nước mưa từ dự án vào Hệ thống thoát nước mưa của KCN trên đường số 8.

Các biện pháp thực hiện quản lý nước mưa đang thực hiện đạt hiệu quả tốt. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục hiện hiện các biện pháp quản lý nước mưa đã áp dụng

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

A. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải tại dự án phát sinh chủ yếu từ:

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc;

- Hoạt động sản xuất của nhà máy.

Lưu lượng:

Bảng 3. 1: Lưu lượng nước thải của nhà máy

Stt	Nguồn phát sinh	Lưu lượng tối đa (m ³ /ngày)
1	Nước thải từ công đoạn nấu tẩy	48
2	Nước thải từ công đoạn làm mềm	112
3	Nước thải từ công đoạn nhuộm	144
4	Nước xả đáy lò hơi	14,4
5	Nước thải từ xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt	8,8
6	Nước thải từ xử lý khí thải lò hơi	8,8
7	Nước thải từ sinh hoạt của công nhân viên	0,9
Tổng cộng		336,9

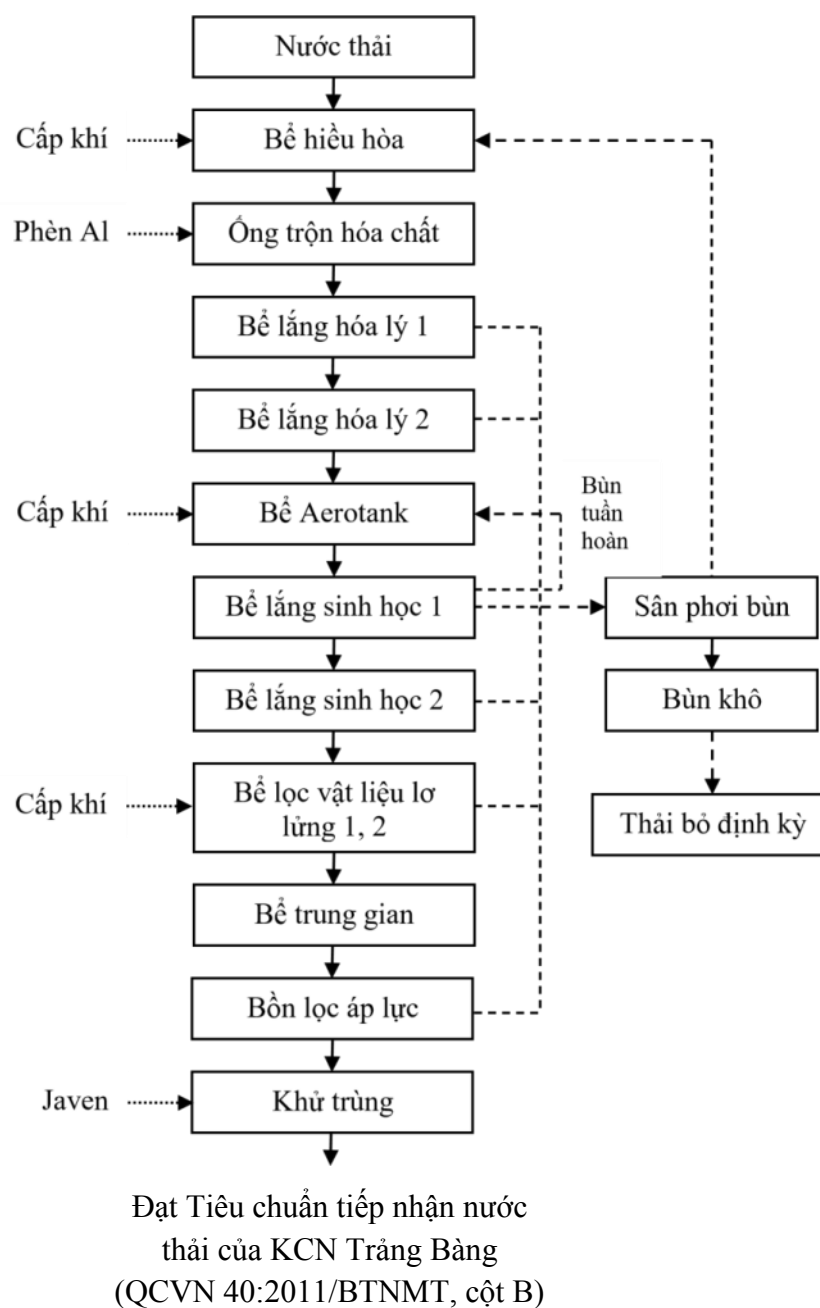
B. Biện pháp thu gom, xử lý và thoát nước thải

Nước thải sản xuất:

Lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng 336 m³/ngày. Để giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh bao gồm: nước thải từ công đoạn nấu tẩy, công đoạn làm mềm, công đoạn nhuộm; nước xả đáy lò hơi; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò nhiệt không để phát tán ra ngoài và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý chung với nước thải sinh hoạt.
- Từ khi đi vào hoạt động, Công ty sản xuất với công suất tối đa là 6.000.000 mét sản phẩm/năm. Vì vậy, Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 700 m³/ngày. Hệ thống xử lý nước thải của Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy xác nhận đã thực hiện hoàn thành hệ thống xử lý nước thải số 2267/GXN-STNMT ngày 12/05/2017.
- Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào trạm XLNTTT của KCN Trảng Bàng.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải được trình bày trong hình sau:



Hình 3. 2: Quy trình xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình xử lý:

Toàn bộ nước thải phát sinh sẽ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý.

Bể điều hòa:

Nước thải được gom về bể điều hòa thông qua hệ thống chắn rác nhằm loại bỏ các tạp chất thô có trong nước thải. Tại đây, nước thải được bơm tuần hoàn lên hệ thống giàn mưa nhằm giải nhiệt cho nước thải. Ngoài ra, bể điều hòa còn có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải trước khi vào công đoạn xử lý sau.

Ổng trộn hóa chất:

Nước thải từ bể điều hòa được bơm vào hệ thống đường ống phản ứng hóa lý, hệ thống phản ứng theo dạng ống xoắn lò xo, hóa chất được bơm vào hệ thống ống phản ứng bằng bơm định lượng. Khi nước thải đi vào đầu ống phản ứng sẽ được hòa trộn với dung dịch phèn Al sẽ xảy ra phản ứng keo tụ tạo bông. Hỗn hợp này đi qua quãng đường khoảng 2/3 ống phản ứng sẽ được hòa trộn với dung dịch Polymer trước khi ra khỏi ống.

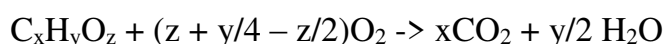
Bể lắng hóa lý 1,2:

Nước thải sau khi được trộn hóa chất xảy ra phản ứng keo tụ, tạo bông sẽ đi vào bể lắng hóa lý bậc 1. Tại đây bùn hóa lý sẽ lắng xuống đáy bể, nước sau lắng tiếp tục được bơm vào bể lắng hóa lý bậc 2 trước khi vào bể vi sinh.

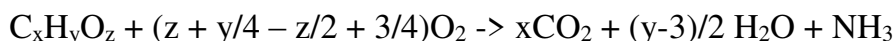
Bể Aerotank:

Tại bể Aerotank máy thổi khí cung cấp không khí cho vi sinh vật thực hiện quá trình phân hủy các chất hữu cơ thành CO₂, H₂O, các sản phẩm vô cơ và tế bào sinh vật mới. Cơ chế của quá trình oxy hóa sinh học hiếu khí diễn ra như sau:

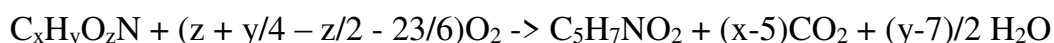
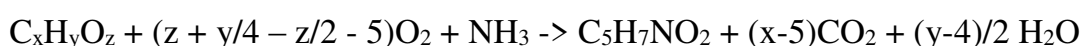
Oxy hóa các hợp chất hữu cơ không chứa nitơ (gluxit, hydrocacbon, pectin, các hợp chất hữu cơ phân tử lượng nhỏ khác,...)



Oxy hóa các chất hữu cơ có chứa nitơ (protein, peptit, axitamin, các hợp chất hữu cơ chứa nitơ phi protein,...)



Quá trình oxy hóa kèm theo sự tạo thành sinh khối vi sinh vật



Trong đó:

C_xH_yO_z: biểu thị các chất hữu cơ không chứa nitơ

C_xH_yO_zN: biểu thị các chất hữu cơ có chứa nitơ

C₅H₇NO₂: là công thức biểu thị thành phần cơ bản của tế bào vi khuẩn

Quy trình tự hủy (quá trình oxy hồ sinh khối):



Ứng dụng quá trình sinh trưởng của vi sinh vật lơ lửng hiếu khí (bao gồm vi khuẩn hiếu khí, vi khuẩn hiếu khí tùy tiện, nấm, tảo, động vật nguyên sinh) – dưới tác động của oxy được cung cấp từ không khí qua các máy thổi khí – sẽ giúp cho vi sinh vật thực hiện quá trình phân hủy các chất hữu cơ, chuyển hóa chúng thành CO₂, H₂O, các sản phẩm vô cơ khác và các tế bào sinh vật mới.

Bể lắng sinh học 1, 2:

Nước thải sau khi qua bể Aerotank sẽ chảy vào bể lắng sinh học 1, 2. Tại đây, bùn vi sinh lắng xuống và được bơm tuần hoàn về bể Aerotank. Nước trong tiếp tục chảy qua bể xử lý sinh học bậc 2 có các vật liệu lơ lửng nhằm tạo môi trường cho vi sinh vật bám dính để tăng nồng độ vi sinh từ đó tăng hiệu quả xử lý.

Sau khi qua bể xử lý vi sinh bậc 2, nước thải sẽ chảy qua bể lắng sinh học 2 nhằm giữ lại bùn vi sinh. Sau đó, nước thải chảy vào bể trung gian.

Tại bể trung gian nước thải được bơm qua hệ thống bồn lọc áp lực. Trong đó, có vật liệu các lọc nhằm loại bỏ các chất rắn lơ lửng còn lại trong nước thải. Sau đó, hóa chất khử trùng sẽ được châm vào đường ống trước khi thoát ra ngoài đến hố ga thu nước sau xử lý.

Bùn cặn từ các bể lắng định kỳ được thu gom về sân phơi bùn để tách nước, bùn sau khi tách nước được đóng bao lưu kho sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B và sau đó đầu nối dẫn về trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Bàng để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

Kích thước các hạng mục, thông số kỹ thuật thiết bị của hệ thống xử lý nước thải được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 3. 2: Thông số kỹ thuật hạng mục của HTXLNT, công suất 700 m³/ngày.đêm

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bể điều hòa	- Kích thước: LWH=14,9m*10,5m*5m - Kết cấu: BTCT	1
2	Bể phản ứng	- Kích thước: LWH=1,833m*1,6m*4m LWH=1,733m*1,6m*4m LWH=1,833m*1,6m*4m - Kết cấu: BTCT	3
3	Bể lắng hóa lý 1	- Kích thước: LWH=11,5m*5,8m*4m - Kết cấu: BTCT	1
4	Bể lắng hóa lý 2	- Kích thước: DH= 4,8m*12m - Kết cấu: BTCT	2
5	Bể Aerotank	- Kích thước: LWH=15,25m* 11,1m*5m - Kết cấu: BTCT	1
6	Bể lắng sinh học bậc 1	- Kích thước: LWH=11,1m* 2,7m*5m - Kết cấu: BTCT	1
7	Bể lắng sinh học bậc 2	- Kích thước: H= 7m - Kết cấu: BTCT	1

8	Bể lắng sinh học bậc 2	- Kích thước: DH=5,6 m*5m - Kết cấu: BTCT	1
9	Bể lọc vật liệu lơ lửng	- Kích thước: LWH=5,15m* 4,6m*5m - Kết cấu: BTCT	2
10	Bể chứa bùn sinh học	- Kích thước: LWH=4,6m* 4,6m*4m - Kết cấu: BTCT	1
11	Bể chứa bùn	- Kích thước: LWH=6,7m* 1,85m*1m LWH=14,9m*2m*1.m - Kết cấu: BTCT	2

Nguồn: Chi nhánh 1 – Công ty CP ĐT Dệt Phước Thịnh, năm 2023

Bảng 3. 3: Thông số kỹ thuật của HTXLNT, công suất 700 m³/ngày.đêm

Stt	Danh sách máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
A	BỂ ĐIỀU HÒA			
1	Màng giải nhiệt	-	Bộ	1
2	Bơm nước cho giàn giải nhiệt	- Công suất: 5,5 Hp	Bộ	2
3	Máy thổi khí bể điều hòa	- Xuất xứ: Đài Loan - Công suất: 30kW	Bộ	2
4	Bơm điều hòa	- Công suất: 15kW	Bộ	2
B	HỆ THỐNG TRỘN HÓA CHẤT			
1	Motor khuấy hóa chất	- Công suất: 5 Hp	Bộ	1
C	BỂ PHẢN ỨNG			
1	Bơm định lượng	- Công suất: 100 lít/h	Cái	3
2	Bơm trục ngang	- Công suất: 1,5kW	Cái	3
D	BỂ LẮNG HÓA LÝ			
1	Bơm	- Công suất: 1,5 kW	Cái	6
2	Máy gạt bùn bể lắng hóa lý	-	Bộ	2
E	BỂ AEROTANK			
1	Hệ thống khuấy đảo	-	Bộ	1
2	Ống trộn nước cấp khí bể Aerotank	-	Bộ	1

Stt	Danh sách máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
3	Máy thổi khí xáo trộn bể Aerotank	- Công suất: 15 kW	Bộ	1
4	Bơm đảo	- Công suất: 75 Hp	Bộ	1
F	BỂ lắng sinh học bậc 1			
1	Bơm lắng sinh học	- Công suất: 55 kW	Cái	2
G	BỂ lắng sinh học bậc 2			
1	Máy gạt bùn bể lắng sinh học bậc 2	-	Bộ	1
H	BỂ trung gian			
1	Bơm trục ngang	- Công suất: 7,5 kW	Bộ	1

Nguồn: Chi nhánh 1 – Công ty CP ĐT Dệt Phước Thịnh, năm 2023

Nước thải sinh hoạt

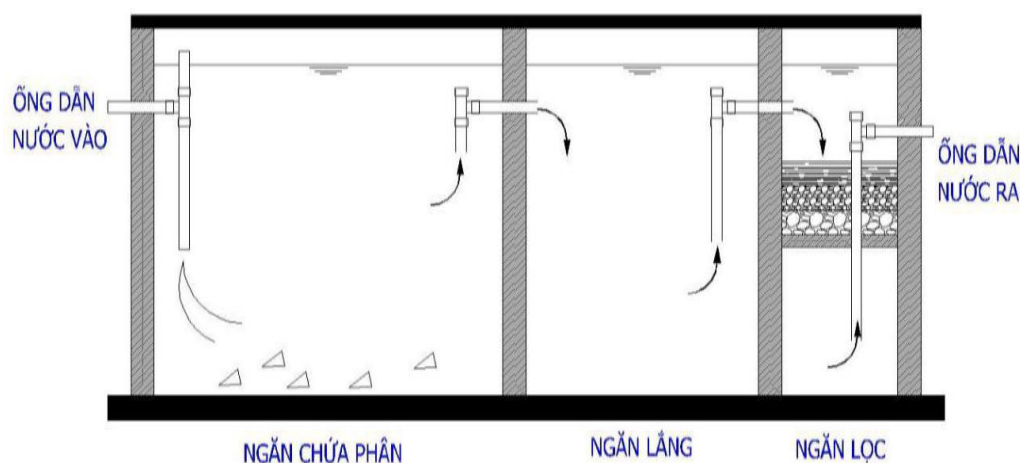
Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,78 m³/ngày. Để giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

Tách riêng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt với hệ thống thu gom nước mưa.

Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh không để phát tán ra ngoài.

Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 20 m³ trước khi theo đường ống thu gom dẫn về HTXL nước thải của Nhà máy.

Hệ thống xử lý nước thải có công suất 700 m³/ngày. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào trạm XLNTTT của KCN Trảng Bàng. Hệ thống xử lý nước thải của Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy xác nhận đã thực hiện hoàn thành hệ thống xử lý nước thải số 2267/GXN-STNMT ngày 12/05/2017.



Hình 3. 3: Cấu tạo bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh

Mô tả cấu tạo và hoạt động của bể tự hoại:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD₅, COD và SS giảm đáng kể. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại đã được thu gom dẫn về HTXL nước thải của Nhà máy.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

3.2.1. Nguồn phát sinh

Bụi, khí thải phát sinh từ:

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển;
- Khí thải từ hoạt động của lò hơi, lò nhiệt;
- Khí thải từ mùi, hơi hóa chất trong quá trình sản xuất;

3.2.2. Biện pháp xử lý

A. Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển

Để giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Biện pháp quản lý:
 - o Đối với xe chở hàng của nhà máy, người phụ trách lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể.
 - o Đối với các phương tiện là xe máy ra vào nhà máy phải tắt máy, dắt bộ.
 - o Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.
 - o Bố trí bãi đậu xe hợp lý trong khuôn viên nhà máy.
 - o Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên.
 - o Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do khả năng hấp thụ nhiệt của bê tông gây ra, nhất là vào mùa nắng.

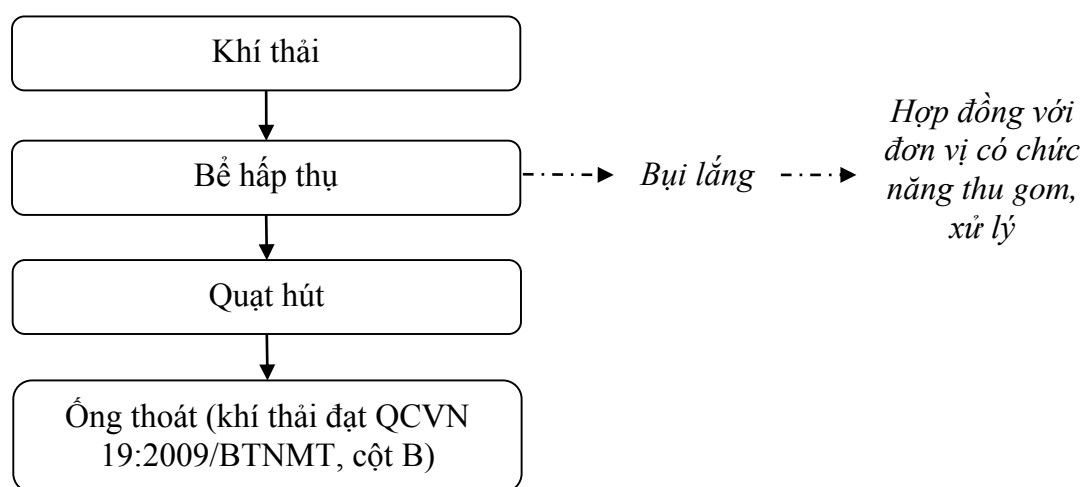
- Công ty đã bê tông hóa toàn bộ đường giao thông nội bộ trong khu vực cơ sở. Lối xe ra vào được phân luồng quy định nhằm tránh tình trạng ùn tắc xe.
- Công ty đã trồng cây xanh xung quanh nhà máy nhằm hạn chế phát tán bụi và khí thải ra môi trường, đồng thời tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu khu vực nhà máy.
- Biện pháp kỹ thuật:
 - Xe của nhà máy được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường.
 - Xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông như chằng, neo đảm bảo an toàn, thời gian lưu thông, phủ bạt chống bụi, không bóp còi nơi cần yên tĩnh

B. Khí thải từ hoạt động lò hơi, lò nhiệt

Để giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động lò hơi, lò nhiệt, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Có chế độ vận hành tốt, vận hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất;
- Vệ sinh, bảo dưỡng lò hơi, lò nhiệt thường xuyên;
- Thu gom toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi, lò nhiệt;
- Xây dựng 01 hệ thống xử lý khí thải cho lò hơi và 01 hệ thống xử lý khí thải cho 2 lò nhiệt. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B được đưa qua ống khói có chiều cao 12m, Ø=400mm nhằm đẩy nhanh sự phát tán các chất ô nhiễm vào không khí, tránh sự tích tụ cục bộ và ảnh hưởng tới những khu vực lân cận, tạo điều kiện tốt cho sự pha loãng của các chất ô nhiễm vào không khí.

Quy trình công nghệ của 2 hệ thống xử lý khí thải lò hơi và lò nhiệt giống nhau. Quy trình xử lý khí thải được trình bày như sau:



Hình 3. 4: Quy trình xử lý khí thải.



Thuyết minh quy trình:

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu được thu gom đưa về bể hấp thụ. Quá trình thu khí được thực hiện nhờ quạt hút, đường ống thu khí.

Bể hấp thụ được thiết kế sao cho dòng khí đi vào bể phải được sục qua nước trước khi thoát ra ngoài môi trường. Các khí sinh ra trong quá trình đốt như SO_x, NO_x,... được hấp thụ hoàn toàn trong nước. Khí thải lần lượt đi qua bể hấp thụ để xử lý triệt để các thành phần ô nhiễm. Cuối cùng, khí thải sau xử lý theo ống khói ra ngoài.

Sau một thời gian, phần bụi lắng dưới đáy bể được thu gom đưa về nơi lưu trữ và hợp đồng vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng.

Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Bảng 3. 4: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò nhiệt

Stt	Tên hạng mục	Kết cấu	Số lượng
1	Quạt hút	Công suất: 30 HP Lưu lượng: 20.000m ³ /giờ Cột áp: 150 mm H ₂ O	02
2	Bể hấp thụ	Dài x rộng x cao: 7m x 2,5m x 1,5m Thể tích: 26,3 m ³	02
3	Ống thoát	Đường kính: 400 mm Chiều cao: 14 m	02



Vận hành phương án xử lý khí thải:

Việc vận hành đúng quy trình không những giúp chất lượng không khí đầu ra ổn định mà còn giúp kéo dài tuổi thọ các công trình, thiết bị, tránh tình trạng xuống cấp hư hỏng.

Hệ thống xử lý được thiết kế tự động, hoạt động khi công tắc được mở. Hệ thống xử lý khí thải được vận hành trong suốt quá trình vận hành của lò hơi, lò nhiệt. Nước sẽ được tự động cấp vào bể hấp thụ khi lượng nước cạn. Định kỳ khoảng 2 lần/tuần Công ty sẽ tiến hành vệ sinh bể hấp thụ.

C. Đối với mùi, hơi hóa chất trong quá trình sản xuất

Để giảm thiểu tác động do mùi, hơi hóa chất trong quá trình sản xuất, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Nhà xưởng được xây dựng thoáng mát với nhiều cửa sổ và cửa ra, tạo điều kiện thông gió tự nhiên, áp dụng biện pháp thông gió nhà xưởng bằng quạt hút và quạt đẩy.

- Các công đoạn nhuộm được thực hiện hoàn toàn trong các thiết bị kín (nồi áp suất).
- Thường xuyên bảo trì máy nhuộm để đạt hiệu suất tốt nhất, hạn chế phát tán hơi hóa chất ra môi trường.
- Sau mỗi ca sản xuất, Công ty đều cho công nhân phải tiến hành quét dọn và vệ sinh khu vực làm việc của mình trước khi giao ca.
- Công nhân làm việc trong xưởng nhuộm bắt buộc phải mang khẩu trang, mũ, các dụng cụ bảo hộ lao động.

Để giảm thiểu các tác động của hơi hóa chất trong quá trình cân đong, pha hóa chất ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản hóa chất an toàn tại nhà máy.
- Đã lắp đặt các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn tại khu vực kho chứa hóa chất.
- Khu vực cân đong, pha hóa chất được bố trí trong khu vực riêng.
- Khu vực kho hóa chất được xây dựng riêng, tách biệt với các khu khác trong xưởng, trong khu vực kho có bố trí hệ thống thông gió với các cửa lấy gió bố trí dọc tường.
- Công nhân thao tác trực tiếp với hóa chất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như găng tay, kính bảo hộ, khẩu trang than hoạt tính, áo, quần, ủng bảo hộ lao động, ...

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

A. Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại Công ty (105 người).

Khối lượng: CTR sinh hoạt ước tính trên số lượng công nhân viên làm việc vào năm hoạt động ổn định của dự án với mức thải tính trung bình khoảng: 0,5 kg/người/ngày. Vậy khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án là $0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 105 \text{ người} = 52,5 \text{ kg/ngày}$.

Thành phần: Rác sinh hoạt chủ yếu là các loại rác thực phẩm như: vỏ rau quả, đồ ăn thừa, giấy,...

Tác động: Về cơ bản, CTR sinh hoạt của dự án không mang tính độc hại, do đó ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên, trong môi trường khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, chất thải bị thối rữa nhanh. Nếu loại chất thải này không được quản lý tốt sẽ gây tác động xấu cho môi trường và là môi trường thuận lợi cho các vi trùng phát triển, làm phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (chuột, ruồi...) ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Ngoài ra, CTR sinh hoạt nếu không quản lý tốt sẽ phát sinh mùi hôi thối, gây mất vệ sinh, ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

B. Biện pháp giảm thiểu tác động từ chất thải rắn sinh hoạt

Để giảm thiểu tác động do CTR sinh hoạt, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Công ty sử dụng 2 thùng chứa CTR sinh hoạt loại 240L đặt tại khu vực lưu chứa CTR sinh hoạt có diện tích 3 m².
- Khu vực lưu chứa CTR sinh hoạt được bố trí bên ngoài xưởng sản xuất, có mái che, nền xi măng gần kho chứa CTNH.
- Hợp đồng vận chuyển rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp, thu mua phế liệu ngày 20/06/2024 giữa Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh và Công ty Môi Trường Xanh Huê Phương VN
- Các biện pháp giảm thiểu tác động do CTR sinh hoạt đang áp dụng đạt hiệu quả tốt và tuân thủ đúng quy định. Vì vậy, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do CTR sinh hoạt đã áp dụng và tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

A. Nguồn phát sinh

Thành phần CTR sản xuất phát sinh chủ yếu là: sản phẩm lỗi, vải vụn, thùng carton hỏng, bao bì hỏng,...

Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 45,88 tấn/năm, tương đương 152,93 kg/ngày. Thành phần và khối lượng CTR sản xuất được trình bày cụ thể trong Bảng sau:

Bảng 3. 5: Khối lượng CTR phát sinh tại nhà máy

Stt	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Sản phẩm lỗi	Tấn/năm	45
2	Vải vụn	Tấn/năm	0,86
3	Thùng carton hỏng	Tấn/năm	0,009
4	Bao bì hỏng	Tấn/năm	0,01
Tổng cộng		Tấn/năm	45,88

Tác động: Chất thải rắn này về tính chất không nguy hại nhưng nếu thải bỏ ra môi trường không đúng quy định có thể gây cản trở lối đi gây ra tai nạn lao động. Ngoài ra, nếu không thu gom và xử lý riêng, nếu để lẫn lộn với chất thải nguy hại sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng môi trường đất, nước (làm bồi lắng nguồn nước, tăng độ đục và hàm lượng chất rắn lơ lửng) tại khu vực và tốn rất nhiều kinh phí để xử lý vì hỗn hợp này xem như chất thải nguy hại.

B. Biện pháp giảm thiểu

Để giảm thiểu tác động do CTR sản xuất, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh ra ngoài
- Bố trí khu vực lưu trữ CTR sản xuất trong nhà xưởng với diện tích khoảng 20 m².
- Đối với vải vụn, sản phẩm lỗi phát sinh, Công ty tận dụng làm giẻ lau. Giẻ lau sau khi sử dụng sẽ được thu gom như chất thải nguy hại.
- Đối với thùng carton hỏng và bao bì hỏng, Công ty thu gom, xử lý cùng với CTR sinh hoạt.
- Công ty đang Hợp đồng với đơn vị thu gom. Tần suất thu gom: 2 lần/tuần.
- Thu gom, quản lý chất thải rắn theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

Các biện pháp giảm thiểu tác động do CTR sản xuất đang áp dụng đạt hiệu quả tốt và tuân thủ đúng quy định. Vì vậy, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do CTR sản xuất đã áp dụng và tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

3.4.1. Nguồn phát sinh CTNH

Thành phần chất thải nguy hại của công ty gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bao bì thải có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại,...

Theo chứng từ thu gom chất thải nguy hại của Công ty, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 46,8 tấn/năm, tương đương 3.900 kg/tháng.

Theo sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tối đa khoảng 7.025,25 kg/tháng.

Thành phần và khối lượng CTR sản xuất được trình bày cụ thể trong Bảng sau:

Bảng 3. 6: Thành phần và khối lượng các loại CTNH

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/tháng)		Mã CTNH
			Theo chứng từ	Theo Sổ chủ	
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải	Bùn	2.400	3.000	10 02 03
1.1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	2.200	2.520	-
1.2	Cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải	Bùn	200	480	-
2	Xi than	Rắn	1.137	4.000	04 02 01
3	Bóng đèn thải	Rắn	19	0,05	16 01 06
4	Phẩm màu	Rắn	102	5	16 01 08

5	Bao bì thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	135	15	18 01 01
6	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	97	5	18 02 01
7	Linh kiện điện tử thải	Rắn	10	0,2	16 01 13
Tổng số lượng			3.900	7.025,25	

Tác động: CTNH chứa các chất hoặc hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm...) và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người. CTNH thường có đặc tính là tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người.

3.4.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do CTNH

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 72000007.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11/11/2008.
- Thu gom và phân loại chất thải nguy hại phát sinh. Các loại CTNH được phân loại và dán nhãn theo quy định.
- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại riêng biệt có diện tích lưu trữ 4 m². Kho CTNH được bố trí tách riêng với các khu vực khác, mặt sàn đảm bảo kín khít, có mái che.
- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải sau khi qua máy ép bùn, Công ty sẽ chứa vào bao bì. Sau đó, lưu trữ vào khu vực có mái che gần khu vực hệ thống xử lý nước thải. Tùy theo lượng bùn phát sinh Công ty sẽ báo đơn vị thu gom đến thu gom. Tần suất thu gom trung bình khoảng 1 lần/1 tháng.
- Đối với xỉ than từ quá trình đốt than, Công ty sẽ thu gom và chứa vào các bao bì, lưu trữ trong khu vực nhà lò hơi, lò nhiệt. Tùy theo lượng xỉ than phát sinh, Công ty sẽ báo đơn vị thu gom đến thu gom. Tần suất thu gom trung bình khoảng 1 lần/ 1 tháng.
- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số VP170/25/HĐXLTN-PT ngày 01/4/2025 giữa Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh và Công ty Cổ phần Môi trường Xanh VN.
- Hằng năm lập Báo cáo quản lý chất thải thải nguy hại định kỳ nộp lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo đúng quy định.
- Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

3.5.1 Nguồn phát sinh

Tiếng ồn, rung phát sinh chủ yếu từ các công đoạn sau:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn trong giai đoạn hoạt động sản xuất phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm nhưng chỉ mang tính chất gián đoạn không liên tục và chỉ trong khuôn viên nhà máy.
- Từ các hoạt động của các máy móc, thiết bị. Độ ồn, rung lớn phát sinh tại máy móc tại dây chuyền sản xuất.
- Từ các phương tiện vận chuyển hàng ra vào nhà máy. Tiếng ồn này phát sinh từ động cơ, sự rung động của các bộ phận xe, từ ống xả khói....

3.5.2 Biện pháp giảm thiểu

❖ Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
- Tuân thủ các quy định bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc, thiết bị sản xuất.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Quy định tốc độ xe máy, xe tải chở nguyên liệu và hàng hóa ra vào Nhà máy không vượt quá 20 km/h.
- Các phương tiện vận chuyển thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng để giảm thiểu tiếng ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.
- Không phân công hoặc tuyển dụng người lao động có tiền sử mắc bệnh suy nhược thần kinh, tổn thương thính giác hoặc bệnh tim mạch làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.
- Thực hiện đo kiểm môi trường lao động định kỳ hằng năm theo quy định của Nghị định 44/2016/NĐ – CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.
- Thực hiện thăm, khám bệnh phát hiện bệnh đặc nghề nghiệp định kỳ, tối thiểu 1 lần/năm.
- Giảm thời gian làm việc tiếp xúc với tiếng ồn, trong ca làm việc cần bố trí khoảng nghỉ phù hợp ở khu vực yên tĩnh.

❖ Biện pháp giảm thiểu độ rung

Để giảm thiểu tác động của độ rung trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- Định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị, dụng cụ và phương tiện làm việc để giảm độ rung.
- Thay đổi tính đàn hồi và khối lượng của các bộ phận máy móc sản xuất để thay đổi tần số dao động riêng của chúng tránh cộng hưởng.
- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.
- Thực hiện đo kiểm môi trường lao động định kỳ hằng năm theo quy định của Nghị định 44/2016/NĐ – CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.
- Thực hiện thăm, khám bệnh rung nghề nghiệp cho người lao động thường xuyên làm việc với các loại máy móc có độ rung cao. Thời gian thăm khám tối thiểu là 24 tháng/lần.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.6.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ

Công ty thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ sau:

- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của nhà máy.
- Có quy định và phân công nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong nhà máy.
- Có văn bản đã thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc diện phải thiết kế và thẩm duyệt về PCCC.
- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.
- Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của nhà máy.
- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy của nhà máy được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.
- Có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, bảo đảm

về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Công an tỉnh và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở theo quy định.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an tỉnh.
- Nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Đề ra phương án chữa cháy cho cán bộ chuyên trách của nhà máy để xử lý khi sự cố xảy ra.
- Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy của nhà máy theo các nội dung sau:
 - + Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.
 - + Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy.
 - + Biện pháp phòng cháy.
 - + Phương pháp lập và thực tập phương án chữa cháy; biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy.
 - + Phương pháp bảo quản, sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy.
 - + Phương pháp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết, cho một hoặc tất cả các đơn vị sau đây:
 - + Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở tại nơi xảy ra cháy.
 - + Đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy nơi gần nhất.
 - + Chính quyền địa phương sở tại hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất.
- Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:
 - + Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.
 - + Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.
 - + Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh có thẩm quyền và được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an tỉnh.
- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy

móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.
- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa nhiên liệu, hóa chất...), công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa...
- Lắp đặt hệ thống chống sét tại vị trí cao nhất.

3.6.2. Công trình phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy

Hiện nay, Công ty đã hoàn thiện trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy cho Nhà máy với thành phần gồm có:

Bảng 3. 7: Phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính, chủng loại	Tình trạng hoạt động, sử dụng
1	Máy bơm chữa cháy			
	Bơm dầu	2		Đang hoạt động bình thường
	Bơm điện	1		Đang hoạt động bình thường
2	Hồ nước PCCC	1	130m ³	Đảm bảo
3	Hệ thống hòng nước chữa cháy ngoài nhà và trong nhà			
	Hòng nước chữa cháy ngoài nhà	4	Hòng	Đang hoạt động bình thường
	Hòng nước chữa cháy trong nhà	6	Hòng	Đang hoạt động bình thường
4	Hệ thống chữa cháy tự động	1	60 đầu phun	Đang hoạt động bình thường
5	Hệ thống báo cháy tự động	1	Hệ thống	
	Chuông báo cháy	4	Cái	Đang hoạt động bình thường
	Nút báo cháy khẩn	9	Cái	Đang hoạt động bình thường
	Đầu báo cháy	15	Cái	Đang hoạt động bình thường
6	Phương tiện chữa cháy			
	Bình bột MFZ8	22	Bình	Đang hoạt động bình thường

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính, chủng loại	Tình trạng hoạt động, sử dụng
	Bình khí CO2MT5	3	Bình	Đang hoạt động bình thường
7	Đèn thoát nạn (Đèn EXIT)	8	Cái	Đang hoạt động bình thường
8	Mũ chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	12	Chiếc	Đang sử dụng bình thường
9	Quần áo chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	6	Bộ	Đang sử dụng bình thường
10	Găng tay chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	12	Đôi	Đang sử dụng bình thường
11	Giày, ủng chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ	12	Đôi	Đang sử dụng bình thường
12	Mặt nạ lọc độc (đáp ứng QCVN 10:2012/BLĐTBXH)	2	Chiếc	Đang sử dụng bình thường
13	Đèn pin (độ sáng 200lm, chịu nước IPX4)	2	Chiếc	Đang sử dụng bình thường
14	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)	2	Chiếc	Đang sử dụng bình thường
15	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)	1	Chiếc	Đang sử dụng bình thường
16	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5 kg, cán dài 50 cm)	1	Chiếc	Đang sử dụng bình thường
17	Kim cộng lực (dài 60 cm, tải cắt 60 kg)	1	Chiếc	Đang sử dụng bình thường
18	Túi sơ cứu loại A (Theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	1	Túi	Đang sử dụng bình thường
19	Cáng cứu thương (kích thước 200 cm x 80 cm x 17 cm; tải trọng 160 kg.	1	Chiếc	Đang sử dụng bình thường
20	Các dụng cụ, thiết bị PCCC&CNCH khác (nếu có)			

Công ty đã được cấp:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 77/TD-PCCC ngày 03/11/2006 do Phòng CS.PCCC – Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho hạng mục nhà xưởng mở rộng;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 57/TD-PCCC ngày 07/6/2011 do Phòng CS.PCCC – Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho hạng mục nhà kho;

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Để quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất, chủ đầu tư đã tuân thủ theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT về hướng dẫn Luật hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật hóa chất do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành; thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư 32/2017/TT-BCT hướng dẫn Luật Hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hóa chất do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành, các biện pháp áp dụng cụ thể như sau:

A. Phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất

- Ban hành quy trình vận hành an toàn từ khâu bốc dỡ, sắp xếp nguyên liệu từ xe vào kho chứa, khâu vận chuyển nguyên liệu sản xuất, thao tác trong quá trình sản xuất.
- Thùng chứa hóa chất phải được bịt kín, khô ráo và dán nhãn.
- Tuyển chọn công nhân lành nghề vận hành xe nâng để bốc dỡ và nạp liệu nhằm hạn chế tối đa việc rơi đổ hóa chất.
- Lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thủng trong quá trình di chuyển.
- Bố trí kho chứa hóa chất và sản phẩm hợp lý, an toàn, độ cao vừa phải để tránh tình trạng hóa chất rơi, đổ ra ngoài.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm quần áo bảo hộ lao động, bao tay bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang than hoạt tính,... cho công nhân khi thao tác với hóa chất trong quá trình sản xuất.
- Thông tin về hóa chất được thông báo đầy đủ và có sẵn ở nơi dễ thấy.
- Lắp đặt dấu hiệu cảnh báo đối với các hóa chất độc hại, dễ cháy đồng thời lắp đặt nội dung sơ cấp cứu trong khu vực nhà máy để thực hiện khi cần thiết.
- Trang bị tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu trong khu vực Nhà máy.
- Niêm yết địa chỉ, số điện thoại liên hệ cấp cứu khi cần thiết.
- Đối với khu vực kho chứa hoá chất và nguyên liệu áp dụng các biện pháp sau:
 - o Các thùng chứa không rò rỉ và được sắp xếp hợp lý, không cản trở gây vấp ngã.
 - o Mỗi loại hoá chất có quy định, đánh dấu, dán nhãn đầy đủ.
 - o Thường xuyên cập nhật số lượng hoá chất trong kho vào sổ.
 - o Không để các hoá chất có tính tương kỵ gần nhau, không để các hoá chất dễ cháy nổ gần các hoá chất duy trì sự cháy.

- Nơi có hoá chất nguy hiểm, độc hại có bảng hướng dẫn quy cách sử dụng, bảo quản, vận chuyển an toàn và được đặt ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.
- Người không có trách nhiệm không được vào kho hoá chất.
- Cấm ăn uống, tụ tập, ngủ nghỉ trong kho hoá chất.
- Chỉ lưu giữ số lượng hoá chất cần thiết cho hoạt động.

A.1. Công tác vận chuyển hóa chất

- Công tác vận chuyển hóa chất được tuân thủ theo quy định tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa. Cụ thể:
 - + Chỉ thực hiện việc vận chuyển hóa chất sau khi hóa chất đã được đóng gói, dán nhãn theo quy định.
 - + Vận chuyển hóa chất theo đúng lịch trình và thỏa thuận thời gian, ngày tháng được ghi trong hợp đồng hoặc hóa đơn có liên quan về vận chuyển giữa đơn vị cung cấp, đơn vị vận chuyển và chủ sở hữu hàng hóa.
 - + Đơn vị vận chuyển hóa chất là cơ sở vận chuyển được cấp giấy phép vận chuyển hóa chất đối với trường hợp vận chuyển hóa chất từ một nghìn ki-lô-gam (1.000kg)/xe/lần vận chuyển trở lên.
 - + Đối với các cơ sở vận chuyển khi thực hiện việc vận chuyển hóa chất dưới 1.000kg/xe/lần không cần phải có giấy phép vận chuyển hóa chất nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định.
 - + Tuyệt đối không sử dụng xe rơ móc để vận chuyển hóa chất.
 - + Công tác vận chuyển hóa chất được lên kế hoạch rõ ràng, không vận chuyển các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau trên cùng một phương tiện.
 - + Không được vận chuyển hóa chất cùng với hành khách, vật nuôi, lương thực, thực phẩm, các chất dễ gây cháy, nổ và các hàng hóa.
 - + Bao bì, thùng chứa hóa chất phải được làm bằng các vật liệu bảo đảm phù hợp với từng loại hóa chất theo quy định.
 - + Trên mỗi bao bì, thùng chứa hóa chất phải được dán thông tin phân loại và ghi nhãn hóa chất theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất. Kích thước của hình tượng biểu thị tính chất vật lý của hóa chất là 100mm x 100mm đối với mỗi thùng đựng hóa chất và dán trên container là 250mm x 250mm.

A.2. Công tác xuất hóa chất sử dụng tại Nhà máy

- Chỉ sử dụng người có trình độ chuyên môn về hóa chất để quản lý kho hóa chất tại Nhà máy. Hóa chất được quản lý bằng sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho theo thời gian hằng ngày, hằng tháng và hằng năm. Lập tức báo ngay cho người phụ trách khi thấy thiếu, thừa khối lượng hóa chất tại kho.
- Chỉ xuất hóa chất khỏi kho khi có giấy tờ, chỉ thị của bộ phận vận hành sản xuất ghi rõ tên hóa chất, khối lượng sử dụng, mục đích sử dụng hóa chất và công đoạn sử dụng hóa chất cụ thể.
- Quy trình san chiết hóa chất được thực hiện nghiêm ngặt, tuân theo hướng dẫn an toàn hóa chất cử từng loại hóa chất. Người thực hiện san chiết hóa chất là người nắm rõ các đặc tính hóa, lý của loại hóa chất cần san chiết, đồng thời người này cũng được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết như găng tay, khẩu trang hoạt tính, kính chống bụi,...
- Hóa chất vận chuyển từ kho chứa đến vị trí sử dụng phải được vận chuyển bằng xe vận chuyển chuyên dụng và đi theo đúng tuyến đường vận chuyển hóa chất được thiết kế trong nhà xưởng sản xuất.
- Công đoạn pha, trộn hóa chất tại vị trí sử dụng hóa chất phải tuân thủ các hướng dẫn về an toàn sử dụng hóa chất và phải nắm rõ các đặc tính hóa học và vật lý của loại hóa chất đang sử dụng.

A.3. Công tác xuất hóa chất sử dụng tại Nhà máy

- Chỉ sử dụng người có trình độ chuyên môn về hóa chất để quản lý kho hóa chất tại Nhà máy. Hóa chất được quản lý bằng sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho theo thời gian hằng ngày, hằng tháng và hằng năm. Lập tức báo ngay cho người phụ trách khi thấy thiếu, thừa khối lượng hóa chất tại kho.
- Chỉ xuất hóa chất khỏi kho khi có giấy tờ, chỉ thị của bộ phận vận hành sản xuất ghi rõ tên hóa chất, khối lượng sử dụng, mục đích sử dụng hóa chất và công đoạn sử dụng hóa chất cụ thể.
- Quy trình san chiết hóa chất được thực hiện nghiêm ngặt, tuân theo hướng dẫn an toàn hóa chất cử từng loại hóa chất. Người thực hiện san chiết hóa chất là người nắm rõ các đặc tính hóa, lý của loại hóa chất cần san chiết, đồng thời người này cũng được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết như găng tay, khẩu trang hoạt tính, kính chống bụi,...
- Hóa chất vận chuyển từ kho chứa đến vị trí sử dụng phải được vận chuyển bằng xe vận chuyển chuyên dụng và đi theo đúng tuyến đường vận chuyển hóa chất được thiết kế trong nhà xưởng sản xuất.
- Công đoạn pha, trộn hóa chất tại vị trí sử dụng hóa chất phải tuân thủ các hướng dẫn về an toàn sử dụng hóa chất và phải nắm rõ các đặc tính hóa học và vật lý của loại hóa chất đang sử dụng.

B. Ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất

- Nhanh chóng thu gom toàn bộ lượng hóa chất rò rỉ, rơi vãi để tái sử dụng sản xuất.
- Khu vực sản xuất được đảm bảo sạch sẽ để hóa chất rò rỉ, rơi vãi sau khi thu gom có thể tái sử dụng được.
- Nhanh chóng sơ tán công nhân ra khỏi nơi rò rỉ, tràn đổ hóa chất để tiến hành thu gom hóa chất.
- Công nhân thu gom được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc với hóa chất trong quá trình ứng cứu.
- Sơ cấp cứu cho công nhân nhiễm độc nếu có theo quy trình sơ cấp cứu đã được ban hành và nhanh chóng chuyển công nhân đến bệnh viện gần nhất.
- Sau khi hít phải hơi hóa chất: Hãy đưa bệnh nhân vào không khí trong lành.
- Sau khi hóa chất tiếp xúc với da: Làm sạch với nhiều nước, xà phòng hay chất tẩy rửa.
- Sau khi hóa chất tiếp xúc với mắt: Ô nhiễm của mắt phải được điều trị bằng cách rửa với nước.
- Sau khi nuốt phải hóa chất: Nếu hóa chất bị nuốt, bệnh nhân phải cùng một lúc uống nước nhiều lần sau đó đến cơ sở y tế gần nhất
- Nhà máy bố trí khu vực chứa hóa chất tại vị trí thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời, có mái che chắn.
- Các bồn chứa hóa chất luôn phải đóng chặt nắp;
- Bồn chứa hóa chất thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nhằm sửa chữa, thay thế và khắc phục kịp thời việc rò rỉ nhiên liệu.
- Khu vực chứa hóa chất không được đặt bất cứ vật gì phía trên.
- Trong trường hợp bị rò rỉ trên mặt bằng nhà xưởng:
 - + Dùng giẻ lau, bông thấm lau sạch và thu gom giẻ lau vào thùng chứa và đậy kín.
 - + Không cho chất lỏng thoát vào cống, ống thoát nước hoặc các vùng ẩm thấp.
 - + Dùng đất cát để xử lý chất lỏng bị đổ, tuyệt đối không sử dụng nguyên liệu dễ cháy như mùn cưa.
 - + Tham khảo ý kiến của các chuyên gia về việc sử dụng các nguyên liệu nào để khắc phục những hậu quả xảy ra và đảm bảo phải tuân thủ theo những nguyên tắc của địa phương.
- Hạn chế công nhân làm việc tại khu vực phát sinh hơi hóa chất, trang bị đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như: Nón bảo hộ, quần áo, giày, khẩu trang, bao tay, kính, mặt nạ che mặt...
- Khi gặp trường hợp bị dính, hay nuốt phải dung môi thực hiện các biện pháp sơ cứu sau:

- + Nếu nuốt phải: Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sỹ hoặc chở bệnh nhân đến bệnh viện.
- + Nếu bị dính trên da hoặc tóc: Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Ngâm bộ phận bị dính bằng nước hoặc vòi hoa sen ít nhất 15 phút và sau đó rửa lại bằng xà bông và nước nếu có thể. Nếu da trở nên đỏ, sưng, đau và hoặc phỏng rộp, chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm
- + Nếu hít phải: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. Liên hệ với trung tâm giải độc hoặc bác sỹ nếu thấy mệt mỏi. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo.
- + Nếu bị dính vào mắt: thận trọng rửa bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
- + Nếu có hoả hoạn: Dùng loại bột chống cồn, nước phun có áp hoặc ở dạng phun sương để dập lửa.

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa sự cố bể tự hoại

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

3.6.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ, vỡ đường ống thoát nước thải

- Thiết kế đường ống thoát nước thải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống thoát nước.
- Sử dụng ống BTCT cường lực tại các khu vực có phương tiện giao thông tải trọng lớn ra vào thường xuyên.

3.6.6. Biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải

- Thiết kế nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ CTNH, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.
- CTNH được dán bảng hiệu có hình minh họa để việc tập kết chất thải được dễ dàng. Khu vực chứa CTNH được xây bờ bao, bên trên có đặt các bể chứa để thu gom chất thải khi bị rò rỉ, bên dưới có chứa cát và được xây bao lại. Khi có sự cố tràn đổ CTNH, cát sẽ được thu gom và bàn giao cho đơn vị thu gom CTNH.
- Đối với việc vận chuyển CTNH: Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển CTNH.

3.6.7. Biện pháp phòng ngừa đối với hệ thống xử lý bụi

- Trang bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút.
- Những người vận hành các công trình xử lý được đào tạo các kiến thức về: Nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý.
- Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp: phải lập tức báo cáo cấp trên khi có sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.
- Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.
- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì chủ đầu tư sẽ ngưng hoạt động công đoạn phát sinh bụi, hơi hóa chất để sửa chữa và khắc phục, khi nào khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục sản xuất.

3.6.8. Biện pháp phòng ngừa đối với hệ thống xử lý nước thải

Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại HTXLNT và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

- Trong trường hợp xảy ra sự cố kéo dài, thì Công ty sẽ ngừng hoạt động sản xuất cho đến khi HTXNT được khắc phục và hoạt động bình thường.
- Hệ thống xử lý nước thải quá tải, không xử lý hết lượng nước thải phát sinh. Do đó, Chủ đầu tư đã tính toán và thiết kế ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

- Để phòng chống lưu lượng nước thải tăng lên do mưa lớn, khu vực xử lý nước thải có đường thoát nước mưa riêng, không để nước mưa xả vào HTXLNT.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Các máy móc, thiết bị (như: bơm, máy thổi khí,...) đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.
- Những người vận hành HTXLNT được đào tạo các kiến thức về:
 - + Hướng dẫn lý thuyết vận hành HTXLNT.
 - + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
 - + Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành HTXLNT. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành HTXLNT.
 - + Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành HTXLNT và thực hành xử lý các tình huống sự cố.
- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:
 - + Lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.
 - + Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.
 - + Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có thay đổi nào so với ĐTM đã được phê duyệt

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Các nguồn phát sinh nước thải tại Nhà máy và lưu lượng nước thải phát sinh chi tiết như sau:

- **Nguồn số 01:** Nước thải sinh hoạt từ quá trình vệ sinh của công nhân viên tại nhà máy, lưu lượng 3,78 m³/ngày;
- **Nguồn số 02:** Nước thải sản xuất từ các công đoạn sản xuất của nhà máy, lưu lượng 336 m³/ngày;

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép

Lưu lượng xả nước thải tối đa xin cấp phép: 339,78 m³/ngày.đêm, tương đương 14,16 m³/giờ.

4.1.3. Dòng nước thải

- **Dòng nước thải số 01:** được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại (thể tích 20m³) trước khi theo đường ống thu gom dẫn về HTXL nước thải của Nhà máy.
- **Dòng nước thải số 02:** Thu gom toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh bao gồm: nước thải từ công đoạn nấu tẩy, công đoạn làm mềm, công đoạn nhuộm; nước xả đáy lò hơi; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò nhiệt không để phát tán ra ngoài và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý chung với nước thải sinh hoạt.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý tại HTXLNT tập trung, công suất 700 m³/ngày.đêm đạt tiêu chuẩn quy định của KCN Trảng Bàng được đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN tại vị trí hố ga thoát nước thải nằm ở hướng Tây Bắc của dự án.

4.1.4. Thành phần ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Bảng 4. 1: Thành phần ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải tại Nhà máy

TT	Chất ô nhiễm	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Trảng Bàng
1	BOD ₅	50
2	COD	150
3	SS	100

TT	Chất ô nhiễm	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Trảng Bàng
4	Dầu mỡ ĐTV	-
5	Amoni	10
6	Tổng Nitơ	40
7	Tổng photpho	6

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

Nhà máy có 01 vị trí đầu nối nước thải sau khi đã xử lý đạt **Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Trảng Bàng** tại vị trí hố ga thoát nước thải nằm ở hướng Tây Bắc của dự án trên đường số 7.

Phương thức xả nước thải: Tự chảy. Nước thải sau xử lý theo tuyến đường ống thoát nước thải chảy về hố ga đầu nối nước thải với KCN bằng đường ống có kết cấu nhựa HDPE D100.

Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ, 300/365 ngày..

Công trình xử lý nước thải tiếp nhận nước thải từ cơ sở: Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Trảng Bàng, công suất xử lý 7.500 m³/ngày đêm.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

Các nguồn phát sinh khí thải nhà máy:

- **Nguồn số 01:** Khí thải từ hoạt động của lò hơi, lưu lượng khí thải là 4.000m³/h;
- **Nguồn số 02:** Khí thải từ hoạt động của lò nhiệt, lưu lượng khí thải là 4.000m³/h;

4.2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa

Lưu lượng xả khí thải tối đa xin cấp phép: 8.00030.600 m³/giờ, tương đương 1080000 m³/ngày.đêm.

4.2.3. Dòng khí thải

Dòng khí thải từ lò hơi và lò nhiệt được thu gom đưa về bể hấp thụ. Quá trình thu khí được thực hiện nhờ quạt hút, đường ống thu khí. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B được đưa qua ống khói có chiều cao 12m, Ø=400mm nhằm đẩy nhanh sự phát tán các chất ô nhiễm vào không khí, tránh sự tích tụ cục bộ và ảnh hưởng tới những khu vực lân cận, tạo điều kiện tốt cho sự pha loãng của các chất ô nhiễm vào không khí.

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính

Các nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung gồm có:

- **Nguồn số 01:** phát sinh từ quá trình hoạt động của các thiết bị, máy móc tại khu vực nhà máy.

Bảng 4. 2: Danh mục nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung xin được cấp phép

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất (kW/máy)	Xuất xứ	Năm sản xuất	Hiện trạng
1	Máy xả hàng	Cái	2	-	Trung Quốc	2004	Tốt
2	Máy nấu tẩy	Cái	4	39	Trung Quốc	2015	Tốt
3	Máy sấy	Cái	1	35	Trung Quốc	2014	Tốt
4	Máy ly tâm	Cái	2	11	Trung Quốc	2004	Tốt
5	Máy tiền định hình	Cái	1	220	Trung Quốc	2015	Tốt
6	Máy làm mềm vải	Cái	2	27	Trung Quốc	2004	Tốt
7	Máy nhuộm vải	Cái	8	39	Trung Quốc	2004	Tốt
8	Máy nhuộm vải Jet	Cái	5	43,7	Trung Quốc	2015	Tốt
9	Máy comfit	Cái	1	15,5	Trung Quốc	2009	Tốt
10	Máy cuốn dây	Cái	2	-	Trung Quốc	2004	Tốt
11	Máy xẻ khổ vải	Cái	1	5,5	Trung Quốc	2014	Tốt
12	Máy may lại khổ vải	Cái	1	6	Trung Quốc	2014	Tốt
13	Lò dầu tải nhiệt 40.000 Kcal/h	Cái	1	45,1	Trung Quốc	2014	Tốt
14	Lò dầu tải nhiệt YGL – 1.900GM 70.000 Kcal/h	Cái	1	77	Trung Quốc	2015	Tốt
15	Lò hơi	Hệ	1	6 tấn/h	Trung Quốc	2014	Tốt

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Bảng 4. 3: Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn

STT	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°03’, múi chiếu 3°	
	X	Y
Nguồn số 01	591474,38	1230241,14

4.3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Bảng 4. 4: Giá trị giới hạn áp dụng đối với tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Bảng 4. 5: Giá trị giới hạn áp dụng đối với độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

4.4.1. Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép

Bảng 4. 6: Danh mục chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Chất thải sinh hoạt	300
2	Thùng các-tông, giấy vụn, nilong, bao bì thải	100
TỔNG CỘNG		400

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

4.4.2. Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải nguy hại

Bảng 4. 7: Danh mục chất thải nguy hại đề nghị cấp phép

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	10 02 03	3.000
2	Xi than từ quá trình đốt than đá	Rắn	04 02 01	4.000
3	Linh kiện, thiết bị điện, điện tử thải	Rắn	16 01 13	0,2
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	Rắn	16 01 06	0,05
5	Phẩm màu và chất nhuộm thải có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	16 01 08	5
6	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	15
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	5
Tổng số lượng				7.020,25

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

CHƯƠNG V:
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI
Các nguồn phát sinh nước thải tại Nhà máy và lưu lượng nước thải phát sinh chi tiết như sau:

Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Quý				Tiêu chuẩn đầu nổi KCN Trảng Bàng (tương đương cột B, QCVN 40:2011/BTNMT)
			1	2	3	4	
1	pH	-	6,61	6,85	-	-	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	63	52	-	-	100
3	COD	mg/L	72	69	-	-	150
4	BOD ₅	mg/L	41	32	-	-	50
5	Độ màu	Pt-Co	31,2	27,4	-	-	150
6	CN ⁻	mg/L	KPH	KPH	-	-	0,1
7	Clo dư	mg/L	0,5	0,41	-	-	2
8	Cr ⁶⁺	mg/L	KPH	KPH	-	-	0,1
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	MPN/100ml	1,94	2,04	-	-	-

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2022)

Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Quý				Tiêu chuẩn đầu nổi KCN Trảng Bàng (tương đương cột B, QCVN 40:2011/BTNMT)
			1	2	3	4	
1	pH	-	7,06	6,95	7,22	-	5,5-9
2	Độ màu	Pt-Co	16,9	15,3	18,8	-	150
3	TSS	mg/L	33,0	32,0	35,0	-	100
4	COD	mg/L	35,5	37,4	40,2	-	150
5	BOD ₅	mg/L	19,5	18,2	21,2	-	50
6	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH	KPH	KPH	-	0,1
7	Xyanua	mg/L	KPH	KPH	KPH	-	0,1
8	Clo dư	mg/L	0,28	0,31	0,35	-	2

STT	Thông số	Đơn vị	Quý				Tiêu chuẩn đầu nổi KCN Trảng Bàng (tương đương cột B, QCVN 40:2011/BTNMT)
			1	2	3	4	
9	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	KPH	KPH	-	3
10	Sắt (Fe)	mg/L	0,48	0,49	0,52	-	5
11	Đồng (Cu)	mg/L	KPH	KPH	KPH	-	2
12	Chì (Pb)	mg/L	KPH	KPH	KPH	-	0,5
13	Amoni	mg/L	4,12	4,36	4,44	-	10
14	Tổng Nito	mg/L	14,6	16,5	17,8	-	40
15	Tổng Phospho	mg/L	2,66	2,78	2,85	-	6
16	Sunfua	mg/L	KPH	KPH	KPH	-	0,5
17	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	KPH	KPH	-	-

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Các nguồn phát sinh khí thải tại Nhà máy và lưu lượng nước thải phát sinh chi tiết như sau:

K1: ống thoát khí thải lò hơi

K2: ống thoát khí thải lò nhiệt

Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Quý								QCVN 19:2009/BTN MT Cột B
			1		2		3		4		
			K1	K2	K1	K2	K1	K2	K1	K2	
1	Bụi	mg/Nm ³	65,9	84,3	71,4	86,2	-	-	-	-	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	91,7	183	78,6	165	-	-	-	-	500
3	NO _x	mg/Nm ³	263	227	237	265	-	-	-	-	850
4	CO	mg/Nm ³	371	462	433	536	-	-	-	-	1000

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2022)

Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Quý								QCVN 19:2009/BTN MT Cột B
			1		2		3		4		
			K1	K2	K1	K2	K1	K2	K1	K2	
1	Bụi	mg/Nm ³	83,3	55,4	86,2	57,3	89,4	62,3	-	-	200

2	SO ₂	mg/Nm ³	28,2	24,6	31,7	28,7	36,8	33,5	-	-	500
3	NO _x	mg/Nm ³	62,4	44,9	69,4	46,1	77,5	51,5	-	-	850
4	CO	mg/Nm ³	222	186	258	194	295	225	-	-	1000

(Nguồn: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh, năm 2023)

CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Hiện cơ sở không có thay đổi gì so với ĐTM đã được phê duyệt. Các công trình xử lý chất thải hiện đang hoạt động bình thường và đã được Sở TNMT tỉnh Tây Ninh xác nhận tại GXN số 2267/GXN-STNMT ngày 12/5/2017. Do đó, dự án không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI

Bảng 6. 1: Chương trình quan trắc môi trường

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất	Tiêu chuẩn so sánh
1	Nước thải: + 01 vị trí, sau hệ thống xử lý nước thải	pH, độ màu, TSS, BOD5, COD, Cr ⁶⁺ , Xyanua, Clo dư, Zn, Fe, Cu, Pb, Amoni, tổng N, tổng P, Sunfua, tổng các chất hoạt động bề mặt	3 tháng/lần	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Trảng Bàng
2	Khí thải: 02 vị trí + Vị trí 1: Ống thoát khí thải lò hơi + Vị trí 2: Ống thoát khí thải lò nhiệt	Bụi, CO, SO ₂ , NO _x	3 tháng/lần	Quy chuẩn 19:2009/BTNMT, cột B
3	CTR và CTNH Khu vực tập kết CTR và CTSH Kho CTNH	Giám sát việc tập kết, thu gom CTR và CTNH	6 tháng/lần	NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 TT 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

Trong quá trình thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường Công ty sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận.

6.2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Công ty không thuộc đối tượng lắp đặt quan trắc nước thải tự động liên tục.

6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ dự án

Không có

6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Bảng 6. 2: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Stt	Nội dung công việc	Chi phí thực hiện (VNĐ/năm)
1.	Đo đạc, phân tích chất lượng nước thải, khí thải hằng năm	12.000.000
2.	Chi phí nhân công lấy mẫu	2.000.000
3.	Chi phí vận chuyển, bảo quản mẫu	2.000.000
4.	Tổng hợp số liệu, tính toán và viết báo cáo	7.000.000
TỔNG		23.000.000

CHƯƠNG VII:
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở không có vi phạm trong thời gian gần đây.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh cam kết những thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là chính xác, trung thực.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh cam kết các nguồn gây ô nhiễm từ cơ sở được phát hiện kịp thời, giám sát thường xuyên không để các nguồn này ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh cam kết hoạt động của cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, Quy chuẩn về môi trường như sau:

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN.
- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Công ty cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm và trình lên cơ quan nhà nước đúng quy định.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu cơ sở có bất kỳ vi phạm nào về việc bảo vệ môi trường.



PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp
- Giấy chứng nhận đầu tư
- Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt chuẩn môi trường
- Giấy xác nhận việc đã hoàn thành hệ thống XLNT
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH
- HD xử lý CTNH
- HD xử lý rác thải sinh hoạt
- HD xử lý nước thải
- BB đầu nối hệ thống xử lý nước thải
- Giấy chứng nhận thẩm quyền PCCC
- Sơ đồ vị trí giám sát
- Sơ đồ mặt bằng thoát nước
- Bản vẽ HT XLNT
- Kết quả quan trắc môi trường

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 3900357713-001

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 05 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 09 năm 2015

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt: CN 1 - CÔNG TY CPĐT DỆT PHƯỚC THỊNH

2. Địa chỉ:

Đường số 12, KCN Trảng Bàng, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0663897140

Fax: 0663897141

Email: phuocthinhnmn@gmail.com

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 13/07/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025111495

Ngày cấp: 20/04/2009

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 171, Tân Tiến, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 171, Tân Tiến, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH

Mã số doanh nghiệp: 3900357713

Địa chỉ trụ sở chính: 65 Tân Tiến, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Phạm Hồng Ngân Hà

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
SỐ: 45211000038

Chứng nhận lần đầu: ngày 31 tháng 5 năm 2007
Chứng nhận thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 12 năm 2007
Chứng nhận thay đổi lần thứ: 2, ngày 17 tháng 9 năm 2008

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh; Nghị định 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định 156/1999/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý Khu công nghiệp Tây Ninh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 45211000038 ngày 06 tháng 12 năm 2007 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tây Ninh cấp;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh người đứng đầu chi nhánh và hồ sơ kèm theo do **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH** nộp ngày 20 tháng 8 năm 2008, bổ sung ngày 12 tháng 9 năm 2008.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN TỈNH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính;
THỊNH nộp ngày 20 tháng 8 năm 2008;
Chứng thực: 2008/Quyển số 02 SCT/BS

Ngày... tháng... năm 20...

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH

Địa chỉ trụ sở chính: 65 Tân tiến, phường 8, quận Tân Bình, TP. HCM

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103008171; ngày cấp: 05/9/2008; nơi cấp:
Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện bởi:



Nguyễn Văn Sư



1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ NHUỘM (NM1)
2. Mục tiêu và quy mô của dự án:
Nhuộm vải công suất 06 (sáu) triệu mét vải/năm.
3. Địa điểm thực hiện dự án: đường số 12, khu công nghiệp Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
Diện tích sử dụng: 6.450 m².
4. Tổng vốn đầu tư: 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng).
Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng).
Loại vốn: tiền mặt.
Tiền độ góp vốn: đã góp đủ ngày 09 tháng 5 năm 2007.
Thời hạn hoạt động của dự án là 48 (bốn mươi tám) năm kể từ ngày 05/8/2004.
5. Tiến độ thực hiện dự án: sản xuất thương từ ngày 31 tháng 01 năm 2005.
6. Các ưu đãi đối với dự án:
Dự án được hưởng ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 15/GCN-CT ngày 30 tháng 3 năm 2005 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho CÔNG TY TNHH DỆT PHƯỚC THỊNH nay là CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH.

Điều 3: Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tây Ninh./.

KT TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



KIỀU CÔNG MINH

TRAPICO
Hợp đồng số : 15.CTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP TRẮNG BÀNG

1. BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT :

- Tên công ty : CTY TNHH XÂY DỰNG HẠ TẦNG KCN TRẮNG BÀNG
- Địa chỉ : KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : 066.896241 - 066.896242 Fax : 066.896240
- Tài khoản ngoại tệ (USD) : 007.137.07.22975 tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam Chi Nhánh Tp. Hồ Chí Minh .
- Tài khoản nội tệ (VND): 007.100.07.22965 tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam Chi Nhánh Tp. Hồ Chí Minh .
- Đại diện : Ông ĐẶNG NGỌC THÀNH Chức vụ Giám đốc

2. BÊN THUÊ LẠI ĐẤT :

- Tên Công ty: CÔNG TY TNHH DỆT PHƯỚC THỊNH
- Địa chỉ : KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
- Mã số thuế : 3900357713 đăng ký tại Cục Thuế Tây Ninh .
- Điện thoại : Fax :
- Đại diện : Ông LÊ VĂN TIẾN Chức vụ: Giám đốc

THỬA ĐẤT CHO THUÊ LẠI

- Diện tích đất cho thuê lại: 7.750 m²
- Loại đất : Xây dựng Hạng đất (nếu có)
- Thửa số :
- Tờ bản đồ số: 06
- Thời hạn sử dụng đất còn lại : tháng 07 năm 2053
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T00726 QSDĐ do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25 tháng 09 năm 2003 .

Tài sản gắn liền với đất (nếu có) :

HTDLD 1

3.3 Phương thức thanh toán

Thanh toán bằng VND theo tỷ giá mua bán bình quân của Ngân hàng Ngoại thương TP HCM công bố tại thời điểm thanh toán.

4. ĐIỀU KHOẢN KHÁC :

4.1 Phí sử dụng hạ tầng và tiện ích công cộng

Ngoài tiền thuê đất, bên thuê còn thanh toán cho bên cho thuê phí sử dụng hạ tầng và tiện ích công cộng 0,30 USD/m²/năm

$$7.750 \text{ m}^2 \times 0,30 \text{ USD/m}^2/\text{năm} = 2.325 \text{ USD}$$

$$\text{Thuế VAT}(10\%): 2.325 \text{ USD} \times 10\% = 233 \text{ USD}$$

$$\text{Tổng cộng: } 2.325 \text{ USD} + 233 \text{ USD} = 2.558 \text{ USD}$$

(Hai ngàn, năm trăm năm mươi tám đô la Mỹ)

Phí sử dụng hạ tầng và tiện ích công cộng sẽ được thanh toán như sau:

+ Lần 1 : Thu từ ngày 01 tháng 07 năm 2005

+ Các lần sau trong tháng 01 hàng năm.

4.2 Trách nhiệm của mỗi bên

Trách nhiệm bên cho thuê lại đất :

- + Bàn giao đất cho bên thuê lại theo đúng thời gian, diện tích và hiện trạng đất đã ghi trong hợp đồng.
- + Bên cho thuê tôn trọng quyền sở hữu tài sản của Bên thuê được xây dựng trên khu đất thuê.
- + Đảm bảo bên thuê đất được trọn vẹn quyền sử dụng khu đất thuê trong suốt thời hạn của Hợp đồng.

Trách nhiệm bên thuê lại đất :

- + Bên thuê trả tiền thuê đất theo đúng thời điểm và phương thức thanh toán đã ghi trong Hợp đồng.
- + Đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích như đã qui định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tuân thủ theo Luật Pháp Việt Nam và các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- + Bên thuê đất xây dựng theo quy phạm về XDCB hiện hành và các công trình ngầm phải thỏa thuận với bên cho thuê đất trước khi đấu nối vào hệ thống hạ tầng chung trong khu công nghiệp.
- + Đối với việc xử lý nước thải, khí thải, tiếng ồn, phế liệu, bên thuê phải chấp hành theo các tiêu chuẩn quy định hiện hành của Việt Nam.
- + Hiện tại do Khu công nghiệp chưa có nhà máy cấp nước, Bên thuê tạm khoan giếng để lấy nước phục vụ xây dựng. Khi khu công nghiệp có nhà máy cấp nước thì Bên thuê không được sử dụng giếng khoan mà phải sử dụng nguồn

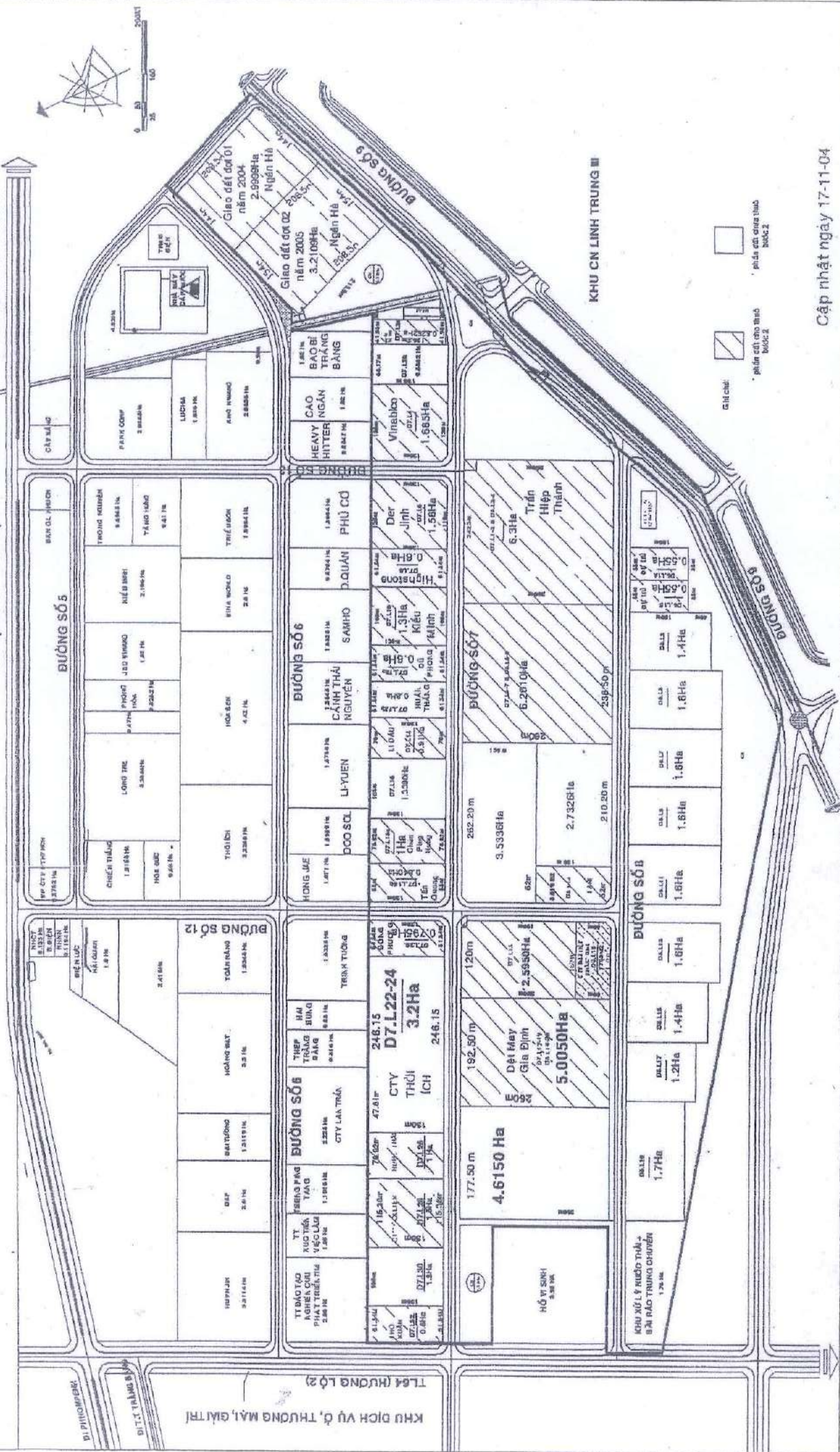
302000
CÔNG
TRƯỜNG
CHỦ CÔNG
TRÀ
KINH BÀN

Handwritten signature

Handwritten signature

QL22 BI TP. HỒ CHÍ MINH

QL22 (BƯỜNG XUYÊN Á)



Cập nhật ngày 17-11-04

2011.11.14

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 2 TỈNH TÂY NINH

Ngày 03 tháng 12 năm 2004. (Bằng chữ: Ngày... tháng... năm...
... năm... hai... ngàn... không... trăm... linh... tư...)

Tôi: Lê Văn Tiến Công Chứng Viên Phòng Công Chứng số 2 tỉnh Tây Ninh

CHỨNG NHẬN

Hợp đồng thuê lại đất đã được giao kết giữa :

- Bên cho thuê lại đất :

+ Tên tổ chức : Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây Dựng Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Trảng Bàng .

+ Địa chỉ : KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh .

+ Do Ông : Đặng Ngọc Thành chức vụ : P Giám đốc làm đại diện .

- Bên nhận thuê lại đất :

+ Tên tổ chức : Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn DỆT PHƯỚC THỊNH

+ Địa chỉ : KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh .

+ Do Ông : LÊ VĂN TIẾN chức vụ : Giám đốc làm đại diện .

- Diện tích đất thuê : 7.750 m² (Bảy ngàn, bảy trăm năm mươi mét vuông) . Tọa lạc tại Khu Công Nghiệp Trảng Bàng .

Hồ sơ đất gồm :

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .

+ Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất .

Qua kiểm tra các giấy tờ và tiếp xúc với các bên, không thấy có biểu hiện không đủ tư cách pháp nhân hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự tại thời điểm công chứng.

Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng do các bên tự soạn thảo, không trái pháp luật, đạo đức xã hội .

Sau khi đọc lại hợp đồng, các bên đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và ký tên trước mặt tôi .

Hợp đồng này gồm 07 bản chính (Mỗi bản gồm 05 tờ, 05 trang) , cấp cho :

+ Bên cho thuê lại đất giữ 02 bản chính .

+ Bên nhận thuê lại đất giữ 02 bản chính .

+ Sở Tài nguyên – môi trường Tây Ninh giữ 02 bản chính .

Lưu tại Phòng Công Chứng số 2 tỉnh Tây Ninh 01 bản chính .

QUYỀN SỞ: 02
LƯU TRÁNG SỞ: 30
SỐ THỦ TỰ: 670
THU LỆ PHÍ: 1000.000đ

ĐÃ THU LỆ PHÍ



CÔNG CHỨNG VIÊN

PHỤ KIỆN HỢP ĐỒNG SỐ 01

(ĐÍNH KÈM HỢP ĐỒNG SỐ 15/ HĐ -CTL NGÀY 03/12/2004)

Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐ -CTL ký ngày 03/12/2004 giữa Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng KCN Trảng Bàng và Công ty TNHH Dệt Phước Thịnh .

Hôm nay, ngày 01... tháng 02... năm 2005 , tại Văn phòng Công Ty TNHH Xây Dựng Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Trảng Bàng gồm có :

BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT : CÔNG TY TNHH XD HT KCN TRẮNG BÀNG

- Đại diện : Ông

Chức vụ : Giám đốc

BÊN THUÊ LẠI ĐẤT : CÔNG TY TNHH DỆT PHƯỚC THỊNH

- Đại diện : **ÔNG LÊ VĂN TIẾN**

Chức vụ : Giám đốc

Hai bên đồng ý ký kết Phụ kiện hợp đồng cho thuê lại đất trong KCN Trảng Bàng với các điều khoản sau :

ĐIỀU 1 :

Điều chỉnh mục 3.1 diện tích thuê đất và giá trị hợp đồng , mục 3.2 thời điểm thanh toán của Hợp đồng cho thuê lại đất số 15/CTL ký ngày 03/12/2004 như sau :

1. Diện tích đất cho thuê lại là : 6.450 m² (đính kèm bản vẽ)

2. Giá trị hợp đồng :

Trị giá tiền thuê đất :

0,38 USD/ m²/năm x 6.450 m² x 48 năm 8 tháng = 119.282 USD

Thuế VAT(10%) : 119.282 USD x 10% = 11.928 USD

Tổng cộng : 119.282 USD + 11.928 USD = 131.210 USD

(Một trăm ba mươi một ngàn, hai trăm mười đô la Mỹ)

3. Thời điểm thanh toán

- Ngày 1/6/2004 , 21/10/2004 và ngày 1/11/2004 , Bên thuê đã đặt cọc cho Bên cho thuê số tiền là : **60.000 USD (Sáu mươi ngàn đô la Mỹ) .**

Số: 590 /STNMT-MTg

Tây Ninh, ngày 17 tháng 12 năm 2004

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHUỘM HOÀN TẤT VẢI
CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỆT PHƯỚC THỊNH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

XÁC NHẬN

Điều 1: Ngày 12 tháng 12 năm 2004. Công ty TNHH dệt Phước Thịnh đã trình nộp Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án xây dựng Nhà máy nhuộm hoàn tất vải.

Địa điểm: *Khu công nghiệp Trảng Bàng Tây Ninh*

Chủ đầu tư: Công ty TNHH dệt Phước Thịnh.

Điều 2: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường này và các yêu cầu bắt buộc sau:

- Đầu tư hệ thống xử lý nước thải công nghiệp đạt tiêu chuẩn: loại C (TCVN 5945-1995); TCVN 6984 : 2001 ($Q = 50 - 200 \text{ m}^3/\text{s}$, cột F₁) sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý đạt tiêu chuẩn loại B trước khi thải ra môi trường. Xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam TCVN 5939-1995; TCVN 6991:2001 trước khi thải ra môi trường.
- Không được sử dụng nước dưới đất (nước ngầm) để sản xuất khi chưa được cơ quan nhà nước cho phép.
- Đảm bảo chương trình quan trắc môi trường, định kỳ 06 tháng kể từ khi ban hành Phiếu xác nhận này số liệu quan trắc phải được báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.
- Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản về những thay đổi so với nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được phê duyệt để bổ sung biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp.

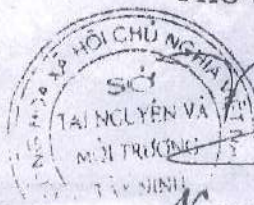
Điều 3: Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của dự án và các yêu cầu nêu trên là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về Bảo vệ môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4: Chủ dự án phải hoàn thành các hạng mục công trình về bảo vệ môi trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu trước khi dự án chính thức đi vào hoạt động.

Nơi nhận:

- Chủ dự án
- Lưu TH-P.MT

1/ GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng

CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KHU CN TRẢNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 40 / TTĐN

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

Hôm nay, vào lúc ^h ngày 10 tháng 09 năm 2007 tại văn phòng công ty CP Phát Triển Hạ Tầng Tây Ninh, hai bên gồm có :

Bên cho thuê đất : CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN TÂY NINH
Đại diện bởi Ông: Vũ Đình Hải - Chức vụ : P.Giám đốc

Bên thuê đất: Chi nhánh 1- Công ty TNHH Đầu Tư Dệt Phước Thịnh
Đại diện bởi Ông: Lê Văn Tiến - Chức vụ : Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận như sau :

- Bên cho thuê đất đồng ý cho bên thuê đất đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước bẩn của xí nghiệp vào hệ thống thoát nước mưa và nước bẩn chung của KCN .
- Vị trí đấu nối : theo bản vẽ đính kèm.
- Khoảng cách từ cao độ vỉa hè đến lưng cống tối thiểu 0,60 m.
- Bên thuê đất cam kết thực hiện vệ sinh, tái lập lại hiện trạng sau khi thi công đấu nối. Việc thi công phải thực hiện đúng theo bản vẽ thiết kế cơ sở và bản vẽ vị trí hố ga đấu nối nếu sai sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm .
- Khi thực hiện đấu nối bên thuê đất phải báo cho bên cho thuê đất biết để cử cán bộ theo dõi, làm cơ sở cho việc nghiệm thu hệ thống đấu nối sau này.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

BÊN THUÊ ĐẤT
Giám Đốc



Lê Văn Tiến

BÊN CHO THUÊ ĐẤT
P. Giám Đốc



VŨ ĐÌNH HẢI

CTY CPĐT DỆT PHƯỚC THỊNH
CHI NHÁNH 1

---8008---

Số 06 /CV

V/v lắp đường ống dẫn nước thải công nghiệp

Địa chỉ đường số 12 KCN Trảng Bàng.

Điện thoại: 3897140, fax: 389141

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Trảng Bàng, ngày 25 háng 02 năm 2016

Kính Gửi: Cty CPĐTPT Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Trảng Bàng

Chi Nhánh 1 - Cty CPĐT Dệt Phước Thịnh được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2005, do đường ống nước thải công nghiệp bị nước mưa tràn vào. Và Nhà Máy Công Nghệ Sợi chuẩn bị xây dựng giai đoạn 3.

Nay công ty chúng tôi đề nghị Cty CPĐTPT Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Trảng Bàng cho công ty chúng tôi lắp đặt đường ống nước thải công nghiệp trên mặt đất phi 315 cách tường rào 0.5m. Và sử dụng lại đường ống nước thải công nghiệp cũ thành đường ống thoát nước mưa cho Nhà Máy Công Nghệ Sợi.

Sao khi Công ty chúng lắp đặt xong kính nhờ quý Công ty lắp đặt lại đồng hồ đo lưu lượng nước thải công nghiệp.

Rất mong nhận được sự chấp thuận của Ban Giám đốc Cty Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Trảng Bàng.



GIÁM ĐỐC

VÕ HÓA

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN HOÀN THÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA
NHÀ MÁY NHUỘM HOÀN TẤT VẢI THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH (CÔNG TY)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty và kết quả kiểm tra thực tế hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy nhuộm hoàn tất vải thuộc Công ty tại đường số 12, Khu công nghiệp Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vào ngày 19/4/2017;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải có công suất xử lý 700 m³/ngày đêm theo phương án thiết kế nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Trảng Bàng chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Điều 2. Công ty có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với hệ thống xử lý nước thải đã thiết kế và xây dựng đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Trảng Bàng. Lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải và lưu giữ để cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu, sổ nhật ký phải thể hiện rõ các nội dung sau: Lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải, khối lượng và thành phần hóa chất sử dụng, lượng điện tiêu thụ.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của Nhà máy đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Số: 587 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 01 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét vải/năm do Chi nhánh 1 – Công ty cổ phần đầu tư dệt Phước Thịnh làm Chủ dự án

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét vải/năm tại đường số 12, Khu công nghiệp Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Chi nhánh 1 – Công ty cổ phần đầu tư dệt Phước Thịnh làm Chủ dự án hợp vào ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét vải/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 1801/CVMT ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Chi nhánh 1 – Công ty cổ phần đầu tư dệt Phước Thịnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 609/TTr-STNMT ngày 29 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy nhuộm hoàn tất vải, công suất 6.000.000 mét vải/năm tại đường số 12, Khu công nghiệp Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Chi nhánh 1 – Công ty cổ phần đầu tư dệt Phước Thịnh thực hiện (Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Nhuộm vải quy mô 6.000.000 mét vải/năm
2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký/

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- UBND huyện Trung Bàng;
- BQL KKT;
- LDVP-CVK;
- Cty CP phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Tây Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2008

SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 72000007.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư dệt Phước Thịnh

Điện thoại: 08-8446509 Fax: 08-8446510 E-mail:

Tài khoản số 540C.00833 tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương CN Tân Bình.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008171 ngày 19/10/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên cơ sở phát sinh CTNH: Chi nhánh 1 – Công ty cổ phần đầu tư dệt Phước Thịnh.

Loại hình cơ sở: Công ty cổ phần.

Địa chỉ cơ sở: đường số 12, Khu công nghiệp Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

II. Nội dung đăng ký:

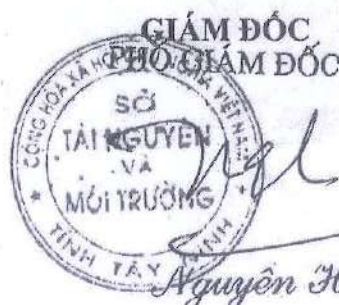
Chủ nguồn thải đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh Danh sách chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở và Danh sách chất thải khác phát sinh tại cơ sở (Phụ lục kèm theo)

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực đến khi cần điều chỉnh theo quy định tại điểm 1.7 Mục 1 Phần III hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm 1.16 Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển & xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
 - Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
 - Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
 - Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.
 - Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022;
 - Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty CP Môi Trường Xanh VN;
 - Căn cứ vào nhu cầu của Chi nhánh 1 - Công Ty CP Đầu Tư Dệt Phước Thịnh,
- Tại địa điểm: Công Ty CP.Môi Trường Xanh VN, Đường số 8 – KCN Trảng Bàng – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh.

Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Địa chỉ trụ sở chính : Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số điện thoại : 02763 898322

Fax: 02763 898 321

Mã số thuế : 3900357907

Số tài khoản : 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Đại diện : Ông **LÊ THIÊN TÚ**

Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành

BÊN B : CHI NHÁNH 1 - CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH

- Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B. Hai Bên phải đối chiếu từng loại số lượng chất thải nguy hại và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ban hành.

- 03 (ba) tháng Bên A sẽ thu gom và xử lý chất thải cho Bên B 01 (một) lần.

- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải nguy hại, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại điều 1.

- Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh ngoài danh mục trên thì hai Bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

Địa điểm giao nhận: Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B theo địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Giá cả và Phương thức thanh toán.

1. Giá cả thanh toán:

- Chi phí xử lý khoản hàng tháng Bên B phải thanh toán cho Bên A là **5.500.000 VNĐ/tháng**.

- Nếu tổng số lượng chất thải nguy hại (các loại như trong danh mục ở điều 1) phát sinh trong tháng ít hơn hoặc bằng **800 Kg** thì Bên A sẽ thu gom và xử lý nhưng không thu thêm chi phí xử lý CTNH.

- Trường hợp khối lượng chất thải phát sinh trong tháng trên **800Kg** thì mỗi kg vượt hơn sẽ tính với đơn giá **8.000 VNĐ/Kg** chung cho các loại chất thải nguy hại.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành (Đối với doanh nghiệp chế xuất thuế VAT=0%).

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển chất thải.

2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng Bên B thanh toán tiền xử lý khoản chất thải cho Bên A. Thời hạn thanh toán không quá 10 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn tài chính do Bên A phát hành.

- Bên A căn cứ vào chứng từ giao nhận thu gom CTNH thực tế, Bên A phát hành hóa đơn thu thêm tiền số lượng chất thải chênh lệch trên định mức nếu có.

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản vào số tài khoản: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN – 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh. Ngoài hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản trên, Bên A không chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc bất cứ hình thức thanh toán nào khác. Nếu vi phạm điều này, Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí chưa được chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao CTNH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu Bên B vi phạm hợp đồng thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A theo đúng thỏa thuận của hợp đồng.

Điều 5. Điều khoản bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể bốc xếp toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc bốc xếp hàng thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 6. Điều khoản chung.

- Trong trường hợp 02 Bên thay đổi thông tin về chủ nguồn thải hoặc giấy phép kinh doanh thì một trong hai (02) Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết. Nếu 02 (hai) Bên không thực hiện đúng theo điều khoản thì Bên vi phạm sẽ chịu mọi trách nhiệm.

- Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai Bên.

- Trường hợp hai Bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do Bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/04/2025 đến ngày 01/04/2026.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Lê Chiên Lú

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Minh Đức

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ RÁC SINH HOẠT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN;
- Căn cứ vào yêu cầu của **CHI NHÁNH 1 - CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**;

Tại địa điểm: Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN - Tổ 5, Ấp Bến Rộng, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tây Ninh.

Đại diện hai bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

- Địa chỉ : Tổ 5, ấp Bến Rộng, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
- Đại diện: Ông **LÊ THIÊN TÚ** Chức vụ: Phó Giám Đốc
- Điện thoại: 0276-3 855345 Fax: 0276-3 855243
- Mã số thuế: 3900995360
- Tài khoản số: 050023401158 tại ngân hàng Sacombank PGD Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm hiện tại của ngân hàng Sacombank PGD Trắng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Điều 4. Trách nhiệm của hai Bên.

4.1 Trách nhiệm Bên A

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển rác sinh hoạt ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.
- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao nhận rác sinh hoạt, Bên A chịu trách nhiệm hoàn tất biên bản xử lý cho Bên B.

4.2 Trách nhiệm Bên B

- Bên B chịu trách nhiệm quản lý rác thải tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.
- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận rác thải tại kho Bên B.
- Thanh toán đủ và đúng thời hạn cho Bên A.

Điều 5. Hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực 1 năm kể từ ngày 20/06/2024 đến ngày 20/06/2025.

Điều 6. Điều khoản bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể bốc xếp toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc bốc xếp hàng thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 7. Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên.
- Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.



CTY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TÂY NINH
Đường số 12, Khu công nghiệp Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
Tel: 066.3882 728 – 3896100 Fax: 066.3882 307
Email: indeco@vnn.vn Website: www.inde.vn

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 47/HĐ-XLNT

Giữa

CN1-CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH

Và

CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN TÂY NINH

Năm 2014

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số : 47/HĐ-XLNT

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 88/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/05/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;
- Thông tư số 09/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 21/5/2009 quy định chi tiết thực hiện một số nội dung của Nghị định 88/2007/NĐ-CP;
- Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp; Thông tư số 48/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009;
- Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về Môi trường QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp;
- Đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, bản cam kết bảo vệ môi trường của bên A;
- Nhu cầu của bên A và khả năng của bên B;

Hôm nay, ngày tháng năm 2014, hai bên gồm:

I. BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A) : CHI NHÁNH 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH.

- Địa chỉ : Đường số 12, KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : 066.3897140 Fax : 066.3897141
- Mã số thuế : 3900357713 – 001
- Đại diện : Ông TRƯƠNG QUẾ LÂM Chức vụ: Giám đốc

II. BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B): CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN TÂY NINH

- Địa chỉ : Đường số 12, KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : 066.3882728 - 3896100 Fax: 066.3882307
- Tài khoản VND : 102010000301866 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh KCN Trảng Bàng.

- 3.4. Trường hợp nước thải của Bên A có thành phần và nồng độ vượt tiêu chuẩn cam kết, ảnh hưởng đến sự vận hành bình thường của hệ thống xử lý nước thải tập trung của bên B, phí xử lý nước thải sẽ tính theo Phụ lục 02 đính kèm.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ

Bên B tiếp nhận và xử lý nước thải của Bên A đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Điều 5. Lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải xả vào điểm đầu nối

- 5.1. Định kỳ, đột xuất Bên B sẽ kiểm tra chất lượng nước thải của Bên A xả vào hệ thống thu gom nước thải của Bên B. Đại diện Bên A và Bên B sẽ lấy ba (03) mẫu nước thải, niêm phong:
- 5.1.1. Một (01) mẫu dùng để phân tích tại phòng thí nghiệm của Bên B, nếu chất lượng nước thải của Bên A vượt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B, Bên B sẽ thông báo ngay cho Bên A biết và cho thời hạn ba (03) ngày để khắc phục. Nếu hết thời hạn trên, chất lượng nước xả thải của Bên A vẫn vượt tiêu chuẩn quy định thì Bên B có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A.
- 5.1.2. Hai (02) mẫu còn lại mỗi bên tự gửi đến Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 hoặc các đơn vị đạt công nhận VILAS tại Việt Nam để phân tích, làm cơ sở tính phí xử lý nước thải cho nguyên tháng như quy định tại khoản 3.4. Khi mở niêm phong mẫu tại các trung tâm, đại diện hai bên phải thông báo cho nhau thời gian để cùng chứng kiến mở niêm phong, đảm bảo tính khách quan của mẫu nước thải mang đi phân tích. Trường hợp đại diện bên A hoặc bên B không đến chứng kiến mở niêm phong thì được hiểu rằng hai bên chấp nhận không điều kiện kết quả phân tích của Trung tâm đó.
- 5.2. Khi lấy mẫu nước thải, đại diện theo pháp luật Bên A phải trực tiếp hoặc cử cán bộ thuộc quyền quản lý kỹ xác nhận việc lấy, niêm phong mẫu. Trường hợp không có đại diện của Bên A, Bên B sẽ mời đại diện bên thứ 3 (Ban quản lý các KCN Tây Ninh hoặc Công an khu công nghiệp) xác nhận việc lấy, niêm phong mẫu nước thải, đồng thời Bên A chấp nhận không điều kiện những mẫu nước thải Bên B đã lấy và kiểm nghiệm.
- 5.3. Chỉ tiêu phân tích chất lượng nước thải căn cứ vào các hồ sơ pháp lý về môi trường của Bên A và Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Điều 6. Thanh toán tiền xử lý nước thải hàng tháng

- 6.1. Phương thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- 6.2. Thời hạn thanh toán: Hàng tháng, Bên A thanh toán phí xử lý nước thải cho bên B trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo thu phí xử lý nước thải. Sau khi nhận đủ tiền theo thông báo, Bên B sẽ phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ.
- 6.3. Nếu phí xử lý nước thải hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác mà Bên A phải thanh toán cho Bên B theo hợp đồng này không được thanh toán trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán và hai bên không có thỏa thuận nào khác bằng văn bản, thì Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A, đồng thời Bên A phải trả cho Bên B số tiền trên cùng với lãi trên số tiền chậm thanh toán. Tiền lãi được tính từ ngày thứ

biên bản và yêu cầu Bên A phải khắc phục ngay. Nếu bên A không thực hiện, bên B được quyền ngừng dịch vụ xử lý nước thải và ngừng cung cấp nước sạch, đồng thời báo cáo cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật.

- 9.2. Việc xử lý nước thải và cung cấp nước sạch được khôi phục sau khi Bên A đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.
- 9.3. Trường hợp ngừng dịch vụ xử lý nước thải để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ xử lý nước thải, đồng thời, Bên B phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Bên A và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Điều 10. Các thỏa thuận khác

- 10.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp vướng mắc, tranh chấp không thể giải quyết hai bên sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, quyết định của Tòa án tỉnh Tây Ninh là cơ sở thực hiện, mọi chi phí liên quan bên nào vi phạm bên đó chịu.
- 10.2. Hợp đồng này áp dụng từ ngày 01/9/2014.
- 10.3. Phụ lục số 01 và phụ lục số 02 đính kèm là một phần không thể tách rời Hợp đồng này.
- 10.4. Thông báo thay đổi phí xử lý nước thải hàng năm có giá trị như phụ lục đính kèm hợp đồng.
- 10.5. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trương Quốc Lâm

ĐẠI DIỆN BÊN B *Thau*



Lê Đình Bửu Trí

Phụ lục 01

GIÁ TRỊ C CỦA CÁC THÔNG SỐ Ô NHIỄM TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP (QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C		Khả năng tiếp nhận của nhà máy
			A	B	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	40	45
2	Màu	Pt/Co	50	150	500
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9	5 đến 10
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	30	50	400
5	COD	mg/l	75	150	600
6	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	5	10	30
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10	20
8	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	4	6	20
9	Coliform	Vi khuẩn /100ml	3.000	5.000	100.000
10	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100	200
11	Asen	mg/l	0,05	0,1	0,5
12	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01	0,01
13	Chì	mg/l	0,1	0,5	1
14	Cadimi	mg/l	0,05	0,1	0,5
15	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1	0,5
16	Crom (III)	mg/l	0,2	1	2
17	Đồng	mg/l	2	2	5
18	Kẽm	mg/l	3	3	5
19	Niken	mg/l	0,2	0,5	2
20	Mangan	mg/l	0,5	1	5
21	Sắt	mg/l	1	5	10
22	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1	0,2
23	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5	1
24	Sulfua	mg/l	0,2	0,5	1
25	Florua	mg/l	5	10	15
26	Tổng Nitơ	mg/l	20	40	60
27	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1.000	1.000
28	Clo dư	mg/l	1	2	2
29	Tổng hóa chất BVTX Clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1	0,1
30	Tổng hóa chất BVTX photpho hữu cơ	mg/l	0,3	1	1
31	Tổng PCBs	mg/l	0,003	0,01	0,01
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0	1,0

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH TÂY NINH
Số: 57 TD-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01 ngày 31 / 5 / 2011

của: Chi nhánh 1 Công ty cổ phần đầu tư dệt Phước Thịnh

Người đại diện là ông/ bà: Ông: Trương Quốc Lâm Chức danh Giám đốc
(Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Tây Ninh)

CHỨNG NHẬN:

(2) Nhà kho
Địa điểm: Đường số 12 - KCN Trảng Bàng - huyện Trảng Bàng - tỉnh Tây Ninh
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Chi nhánh 1 Công ty cổ phần đầu tư dệt Phước Thịnh
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH XD - TM - DV Hoàng Anh Phát
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Hệ thống báo cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Khi lắp đặt phải báo phòng Cảnh sát PCCC&CNCH-CATN kiểm tra thi công, kiểm tra nghiệm thu về PCCC đúng qui định.

Tây Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 20 11

Nơi nhận:

-CN 1 Công ty CPĐT dệt
Phước Thịnh
-206 BCA (báo cáo)
-Lưu: Đội PCCC&CNCH
KCN Trảng Bàng

(4)



Thượng tá Đỗ Xuân Uy

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới;
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 0506 ngày 05/9/2006

của Công ty TNHH Dệt Phước Thịnh

Người đại diện là ông / bà: Lê Văn Tiến Chức danh: Giám đốc

(1) Phòng Cảnh sát PCCC - CA Tây Ninh

CHỨNG NHẬN:

- (2) Hạng mục: Nhà xưởng mở rộng - Công ty TNHH Dệt Phước Thịnh
Địa điểm: KM 32 - Khu công nghiệp Trảng Bàng - Trảng Bàng - Tây Ninh
Chủ đầu tư / chủ phương tiện: Công ty TNHH Dệt Phước Thịnh
Đơn vị lập dự án / thiết kế: Công ty TNHH tư vấn thiết kế đầu tư và xây dựng Phương Đại Nam
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

-Bậc chịu lửa
-Lối thoát nạn
-Hệ thống điện + hệ thống cấp nước chữa cháy

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) Thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho 2 nhà xưởng sản xuất
đúng theo qui định TCVN 5738-2000 (và khoảng cách 2 nhà xưởng không đảm bảo tiêu chuẩn
PCCC 2622-95). Thiết kế xong phải trình cơ quan PCCC thẩm duyệt mới được lắp đặt.
Hệ thống điện thiết kế lắp đặt phù hợp môi trường sản xuất và đảm bảo an toàn PCCC
-Phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu trên mới được đưa công trình vào sử dụng.

Tây Ninh, ngày 3 tháng 1 năm 2006

Nơi nhận

C/ty TNHH dệt Phước
Thịnh
-BCA (C23) để báo cáo
-Lưu

(4)

(Ký và đóng dấu)
TRƯỞNG PHÒNG
TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh tá: Đỗ Xuân Nhy

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

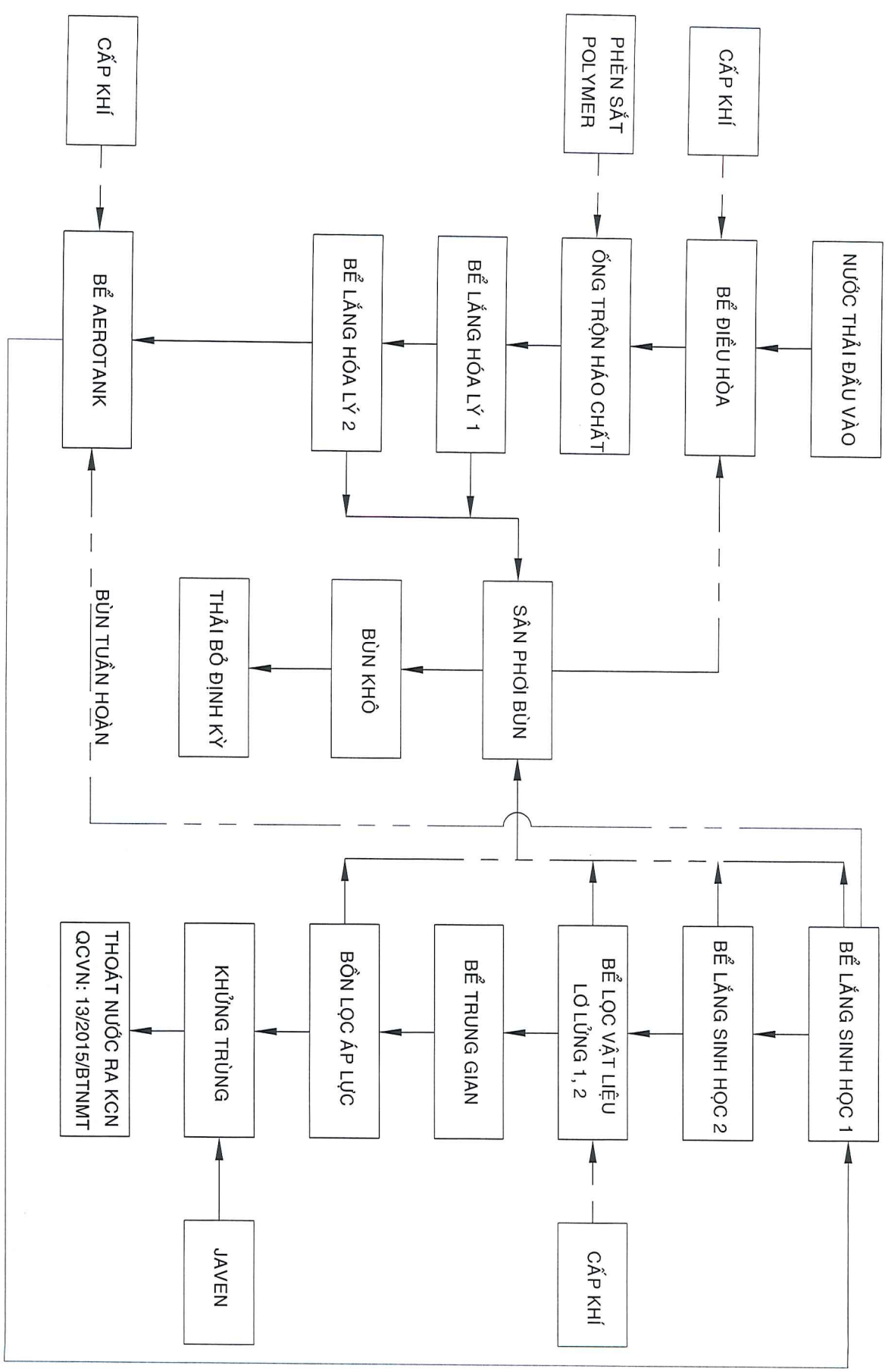
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy

PHỤ LỤC BẢN VẼ

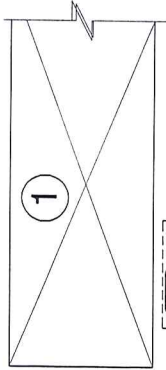
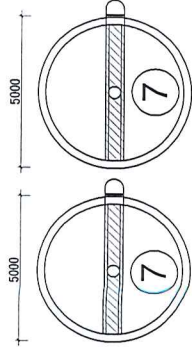
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT CÔNG SUẤT 700 M³/NGÀY



LÀM CHỈNH SỬA: 07	
NGÀY: 28-10-2016	
CÔNG TRÌNH	
THẠM KHÁT SẢN XUẤT CÔNG SUẤT 700 M ³ /NGÀY	
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ	
KHOẢNG THỊNH	
CƠ QUAN CHỦ QUẢN	
BAN QUẢN LÝ	
NƯỚC THẢI	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
CN	01
07	07

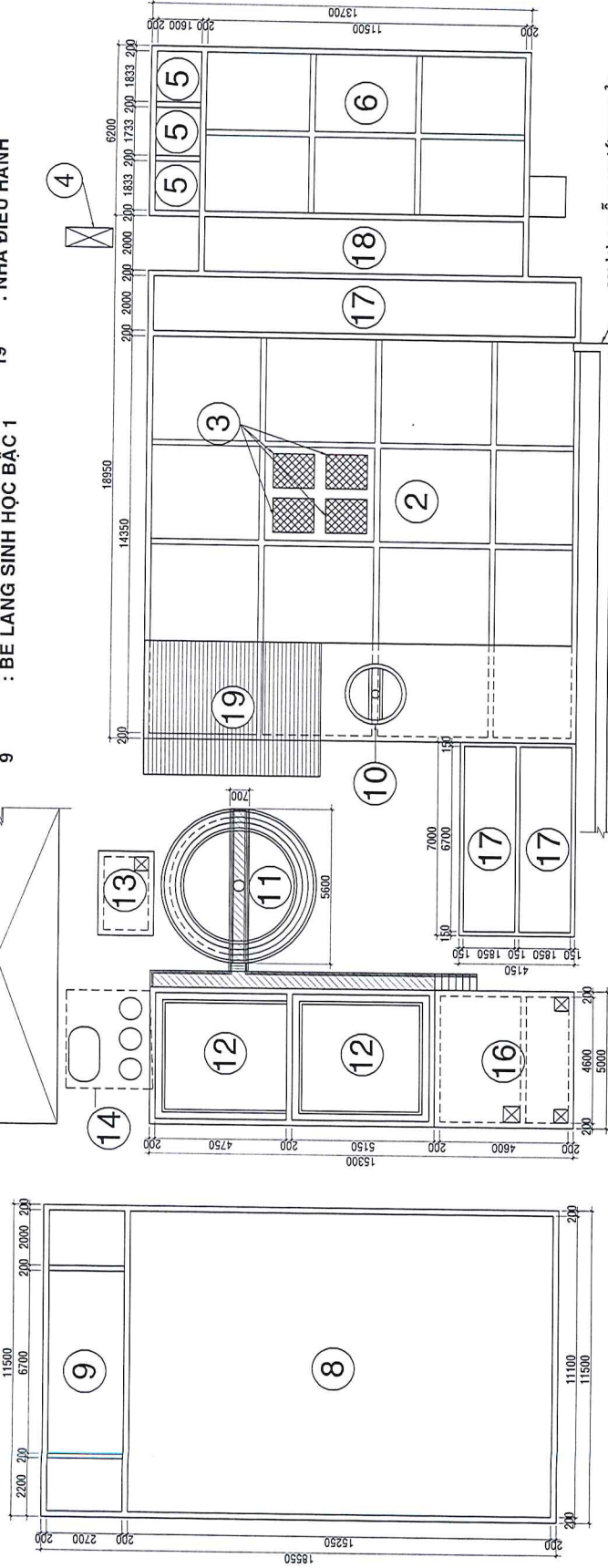
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ

TỶ LỆ 1/150



GHI CHÚ:

- 1 : NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
- 2 : BỂ ĐIỀU HÒA
- 3 : DÀN MƯA GIẢI NHIỆT
- 4 : HỆ THỐNG TRỘN HÓA CHẤT
- 5 : BỂ PHẢN ỨNG
- 6 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- 7 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- 8 : BỂ AEROTANK
- 9 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 1
- 10, 11 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
- 12 : BỂ LỌC VẬT LIỆU LƠ LŨNG
- 13 : BỂ TRUNG GIAN
- 14 : CỤM BỒN LỌC ÁP LỰC
- 15 : HỆ GA THOÁT NƯỚC RA KCN
- 16 : BỂ CHỨA BÙN
- 17 : BỂ CHỨA BÙN
- 18 : HỒ CÁ
- 19 : NHÀ ĐIỀU HÀNH



MƯỜN DẪN NƯỚC THẢI
TỪ NHÀ MÁY

1

LẦN CHỈNH SỬA: 07

NGÀY: 28-10-2016

CÔNG TRÌNH
TRẠM XỬ LÝ SẢN XUẤT
CÔNG SUẤT 700M³/NGÀY ĐẾN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG SUẤT 700M³/NGÀY ĐẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT
PHƯỚC THỊNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG SUẤT 700M³/NGÀY ĐẾN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG SUẤT 700M³/NGÀY ĐẾN

CITY THINH TTY TM DV KINH DOANH
KHANG THỊNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG SUẤT 700M³/NGÀY ĐẾN

NGUYỄN THANH CÁN

CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ

TRẦN VĂN DUNG

QUẢN LÝ THIẾT KẾ

LE DINH HƯƠNG

THIẾT KẾ

LE DINH HƯƠNG

NGUYỄN THANH PHONG

HÀNG MỤC

NƯỚC THẢI

BẢNG

MẶT BẰNG

TRẠM XLNT

11/2016

02

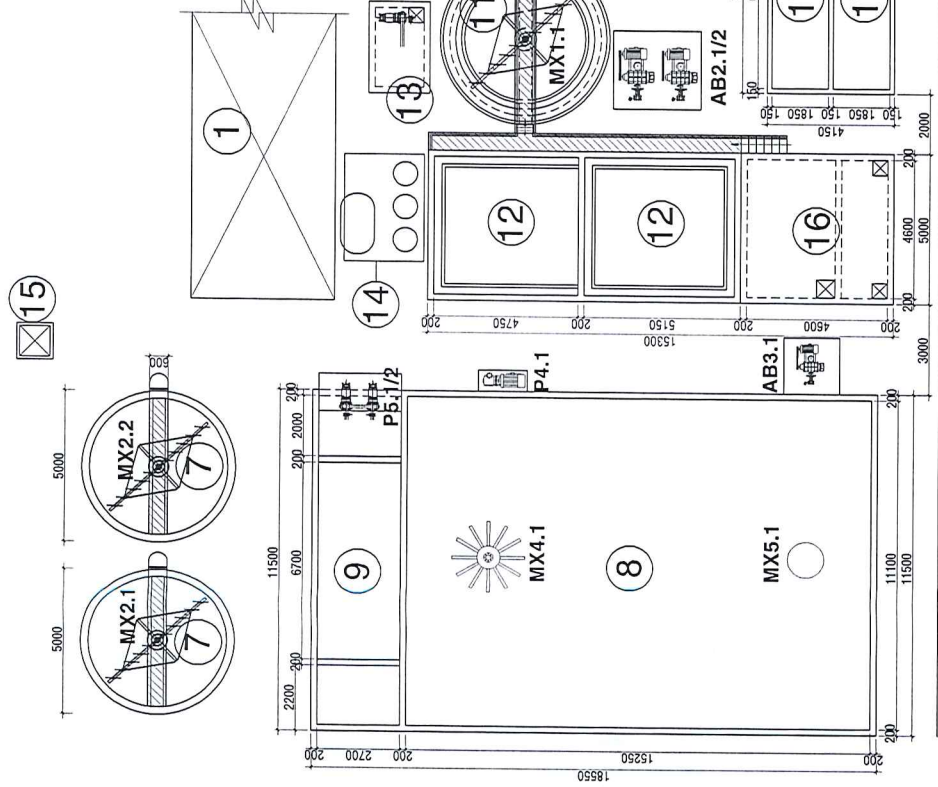
07

CN

TỶ LỆ 1/150

- 1 : NHÀ XUẤT BẢN
- 2 : ĐƯỜNG
- 3 : DAN MƯA GIẢI NHẬT
- 4 : HỆ THỐNG TRỌN HÓA CHẤT
- 5 : BẾ PHẢN ỨNG
- 6 : BẾ LẮNG HÓA LÝ
- 7 : BẾ LẮNG HÓA LÝ
- 8 : BẾ AEROTANK
- 9 : BẾ LẮNG SINH HỌC BẮC 1

10, 11 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
12 : BỂ LỌC VẬT LIỆU LƠ LŨNG
13 : BỂ TRUNG GIAN
14 : CỤM BÓN LỌC ÁP LỰC
15 : HẾ GA THOÁT NƯỚC RA KCN
16 : BỂ CHỮA BÙN SINH HỌC
17 : BỂ CHỮA BÙN
18 : HỒ CÁ
19 : NHÀ ĐIỀU HÀNH



BƠM NƯỚC CHO GIÀN GIẢI NHIỆT

P1.1/2	: BƠM NƯỚC CHO GIÀN GIẢI NHIỆT
P2.1/2	: BƠM ĐIỀU HÒA
P3.1/2	: BƠM BỂ LẮNG HÓA LÝ
P4.1	: BƠM ĐẢO
P5.1/2	: BƠM BỂ LẮNG SINH HỌC
P6.1	: BƠM BỂ TRUNG GIÀN
AB1.1/2	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA

AB2.1/2	: MÁY THỔI KHÍ BỂ LỌC VẬT LIỆU LỎ LÚNG VÀ AEROTANK
AB3.1	: MÁY THỔI KHÍ XẢO TRỘN BỂ AEROTANK
MX1.1	: MÁY GẠT BÙN BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
MX2.1/2	: MÁY GẠT BÙN BỂ LẮNG HÓA LÝ
MX4.1	: HỆ THỐNG KHUẤY ĐẢO NƯỚC KHÔNG CẤP KHÍ BỂ AEROTANK
MX5.1	: ỐNG TRỘN NƯỚC CẤP KHÍ BỂ AEROTANK
MX6.1/2	: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
BPF	: MÁY ÉP BÙN

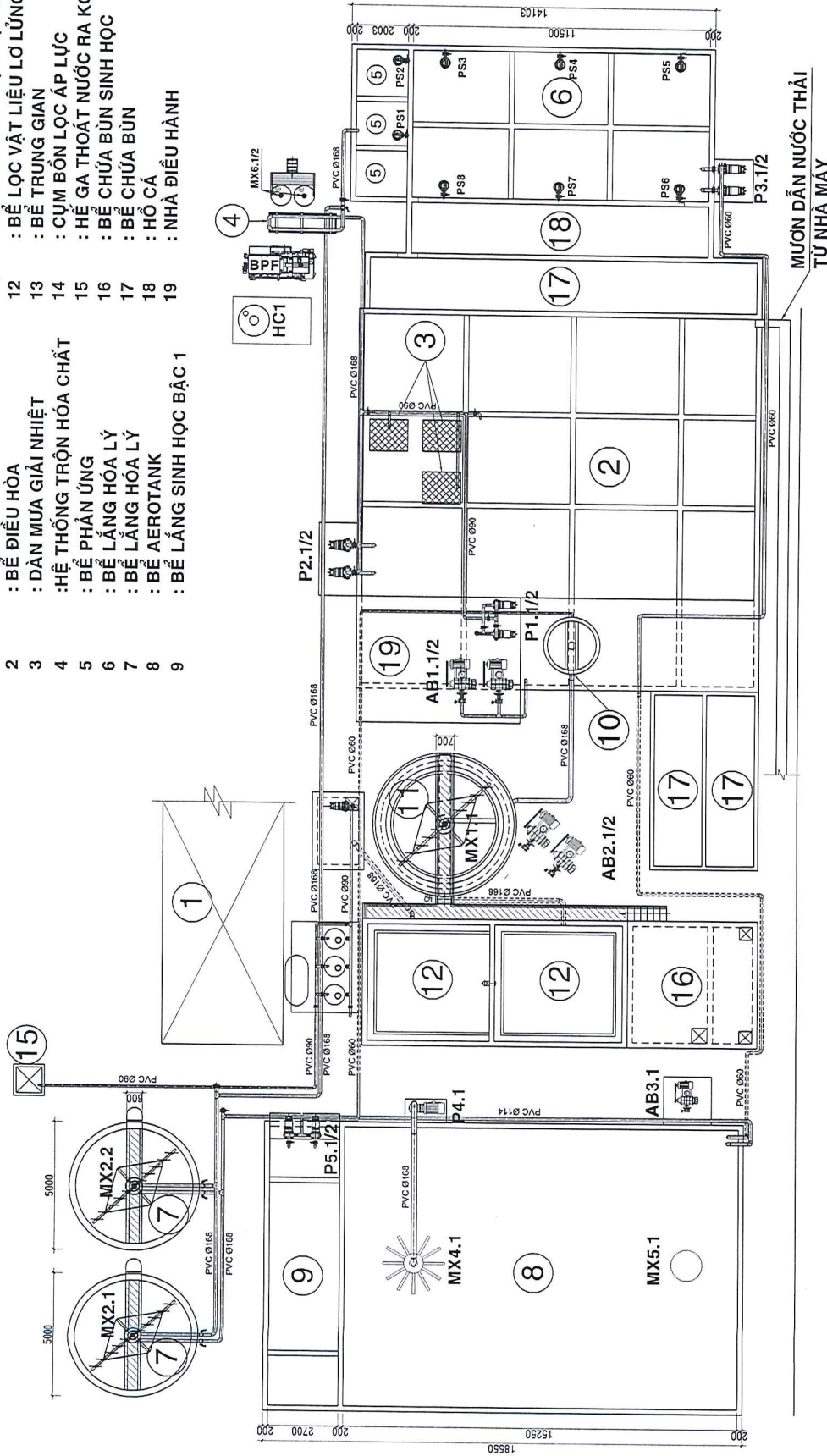
[illegible]

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC

TỶ LỆ 1/150

GHI CHÚ:

- 1 : NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
- 2 : BỂ ĐIỀU HÒA
- 3 : DÀN MƯA GIẢI NHIỆT
- 4 : HỆ THỐNG TRỘN HÓA CHẤT
- 5 : BỂ PHẢN ỨNG
- 6 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- 7 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- 8 : BỂ AEROTANK
- 9 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 1
- 10, 11 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
- 12 : BỂ LỌC VẬT LIỆU LƠ LŨNG
- 13 : BỂ TRUNG GIAN
- 14 : CỤM BỒN LỌC ÁP LỰC
- 15 : BỂ GA THOÁT NƯỚC RA KCN
- 16 : BỂ CHỨA BÙN SINH HỌC
- 17 : BỂ CHỨA BÙN
- 18 : HỒ CÁ
- 19 : NHÀ ĐIỀU HÀNH



GHI CHÚ:

- P1.1/2 : BƠM NƯỚC CHO GIÀN GIẢI NHIỆT
P2.1/2 : BƠM ĐIỀU HÒA
P3.1/2 : BƠM BỂ LẮNG HÓA LÝ
P4.1 : BƠM ĐẢO
P5.1/2 : BƠM BỂ LẮNG SINH HỌC
P6.1 : BƠM BỂ TRUNG GIAN
AB1.1/2 : MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA

- AB2.1/2 : MÁY THỔI KHÍ BỂ LỌC VẬT LIỆU LƠ LŨNG VÀ AEROTANK
AB3.1 : MÁY THỔI KHÍ XẢO TRỘN BỂ AEROTANK
MX1.1 : MÁY GẠT BÙN BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
MX2.1/2 : MÁY GẠT BÙN BỂ LẮNG HÓA LÝ
MX4.1 : HỆ THỐNG KHUẤY ĐẢO NƯỚC KHÔNG CẤP KHÍ BỂ AEROTANK
MX5.1 : ỐNG TRỘN NƯỚC CẤP KHÍ BỂ AEROTANK
MX6.1/2 : MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
BPF : MÁY ÉP BÙN

MƯỜN DẪN NƯỚC THẢI
TỦ NHÀ MÁY

LẦN CHỈNH SỬA: 07

NGÀY: 28-10-2016

CÔNG TRÌNH
THAM XÚT SẢN XUẤT
CÔNG SỬA TẠM/NGÀY ĐEM

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỆT
PHƯỚC THỊNH

ĐẠI DIỆN NHÀ CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG
SỞ TÀI
CÁI LẬU

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CITY THINH LTD VỚI ĐỐI TRƯỞNG
KHANG THỊNH

CHỮ ĐÓNG

NGUYÊN THẠNH CÁN

CHỮ CHỮA THIẾT KẾ

TRẦN VĂN DUNG

QUẢN LÝ THIẾT

LÊ ĐÌNH HƯỜNG

THIẾT KẾ

HỒA

NGUYÊN THẠNH PHÒNG

HÀNG MỤC

NƯỚC THẢI

SẢN PHẨM

MB BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC

11/2016

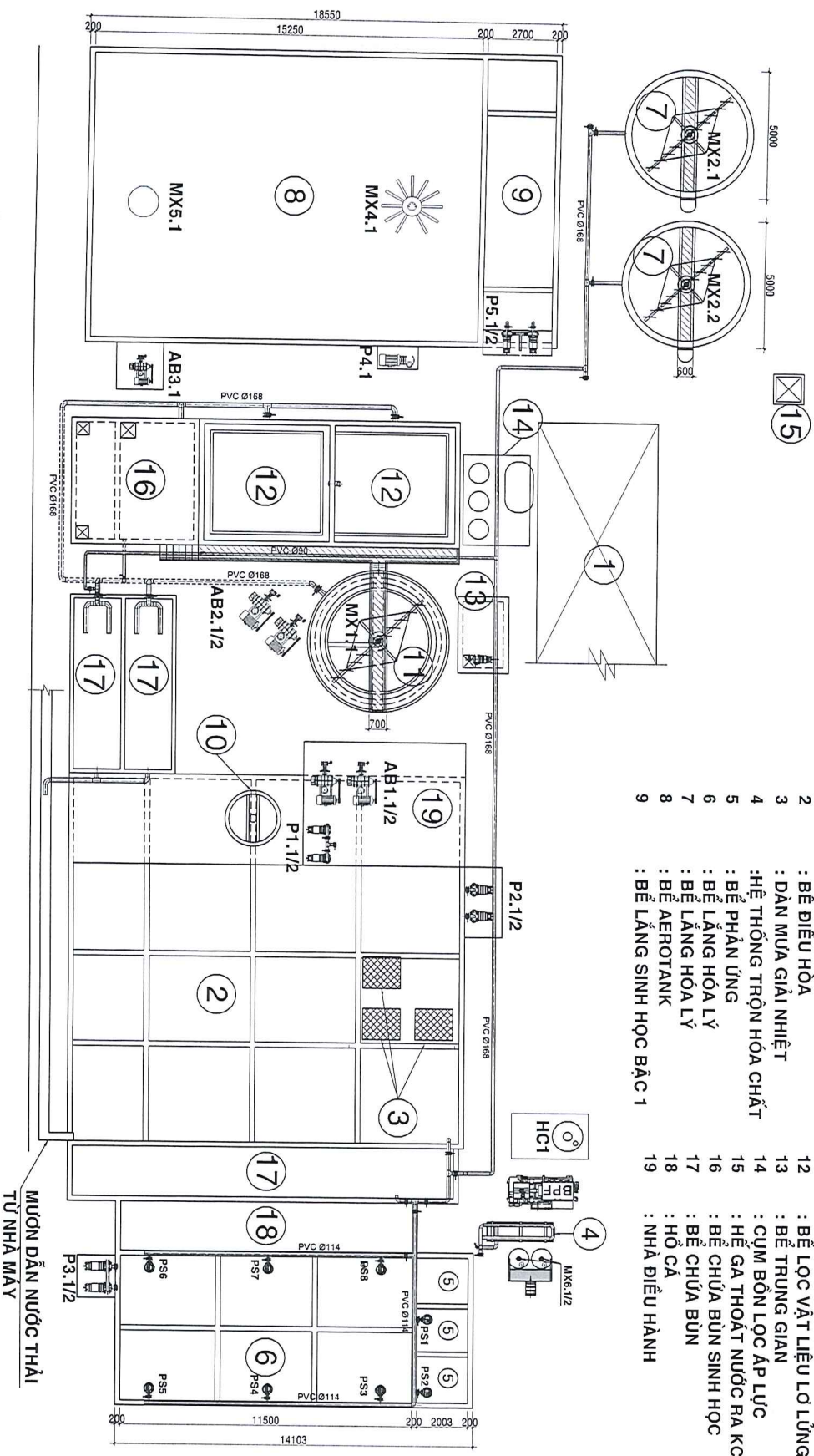
04

07

CN

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống DẪN BÙN

TỶ LỆ 1/150



GHI CHÚ:

- 1 : NHÀ XỬNG SÀN XUẤT
- 2 : BỂ ĐIỀU HÒA
- 3 : DÀN MƯA GIẢI NHIỆT
- 4 : HỆ THỐNG TRỘN HÓA CHẤT
- 5 : BỂ PHẢN ỨNG
- 6 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- 7 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- 8 : BỂ AEROTANK
- 9 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 1
- 10, 11 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
- 12 : BỂ LỌC VẬT LIỆU LỎ LỪNG
- 13 : BỂ TRUNG GIẠN
- 14 : CỤM BỒN LỌC ÁP LỰC
- 15 : HỆ GA THOÁT NƯỚC RA KCN
- 16 : BỂ CHỨA BÙN SINH HỌC
- 17 : BỂ CHỨA BÙN
- 18 : HỒ CÁ
- 19 : NHÀ ĐIỀU HÀNH

GHI CHÚ:

- P1.1/2 : BƠM NƯỚC CHO GIÀN GIẢI NHIỆT
P2.1/2 : BƠM ĐIỀU HÒA
P3.1/2 : BƠM BỂ LẮNG HÓA LÝ
P4.1 : BƠM ĐÀO
P5.1/2 : BƠM BỂ LẮNG SINH HỌC
P6.1 : BƠM BỂ TRUNG GIẠN
AB1.1/2 : MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA
AB2.1/2 : MÁY THỔI KHÍ BỂ LỌC VẬT LIỆU LỎ LỪNG VÀ AEROTANK
AB3.1 : MÁY THỔI KHÍ XẢO TRỘN BỂ AEROTANK
MX1.1 : MÁY GẠT BÙN BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
MX2.1/2 : MÁY GẠT BÙN BỂ LẮNG HÓA LÝ
MX4.1 : HỆ THỐNG KHUẤY ĐẢO NƯỚC KHÔNG CẤP KHÍ BỂ AEROTANK
MX5.1 : ỚNG TRỘN NƯỚC CẤP KHÍ BỂ AEROTANK
BP1 : MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
PS1-8 : BƠM BÙN

Lần chỉnh sửa: 07

Ngày: 28-10-2016

THÀNH TẬP SẢN XUẤT
CÔNG SẮT TẠM MỘT ĐỀ

CHỈ ĐẠO TỰ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỆT
PHƯỚC THỊNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CITY TRINH TTY TƯ VẤN THIẾT KẾ

KHOẢNG THỊNH

11/2016

CHỈ ĐẠO

NGUYỄN THANH CẨM

CHỈ ĐẠO THIẾT KẾ

THÀNH VĂN DƯƠNG

CHỈ ĐẠO THIẾT KẾ

LE DINH HƯỜNG

THIẾT KẾ

KHOA

NGUYỄN THANH PHONG

HẠNG MỤC

NƯỚC THẢI

CHỈ ĐẠO THIẾT KẾ

MB BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ống DẪN BÙN

11/2016

CN

05

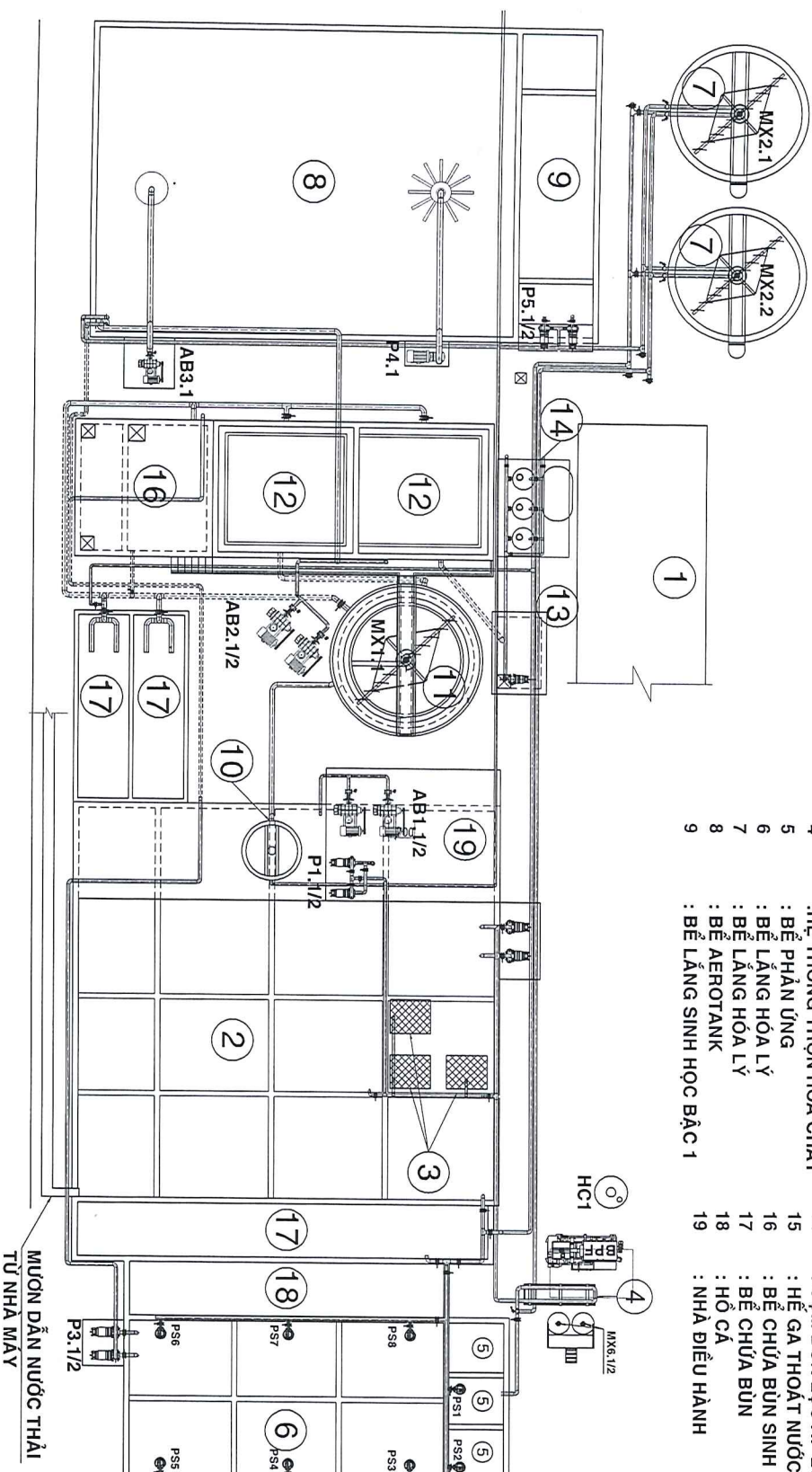
07

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ 1/150

GHI CHÚ:

- 1 : NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
- 2 : BỂ ĐIỀU HÒA
- 3 : DÀN MƯA GIẢI NHIỆT
- 4 : HỆ THỐNG TRỘN HÓA CHẤT
- 5 : BỂ PHÂN ỨNG
- 6 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- 7 : BỂ LẮNG HÓA LÝ
- 8 : BỂ AEROTANK
- 9 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 1
- 10, 11 : BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
- 12 : BỂ LỌC VẬT LIỆU LỎ LỪNG
- 13 : BỂ TRUNG GIẠN
- 14 : CỤM BỒN LỌC ÁP LỰC
- 15 : HỆ GÀ THOÁT NƯỚC RA KCN
- 16 : BỂ CHỨA Bùn SINH HỌC
- 17 : BỂ CHỨA Bùn
- 18 : HỒ CÁ
- 19 : NHÀ ĐIỀU HÀNH



GHI CHÚ:

- P1.1/2 : BƠM NƯỚC CHO GIÀN GIẢI NHIỆT
P2.1/2 : BƠM ĐIỀU HÒA
P3.1/2 : BƠM BỂ LẮNG HÓA LÝ
P4.1 : BƠM ĐÀO
P5.1/2 : BƠM BỂ LẮNG SINH HỌC
P6.1 : BƠM BỂ TRUNG GIẠN
AB1.1/2 : MÁY THỜI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA

- AB2.1/2 : MÁY THỜI KHÍ BỂ LỌC VẬT LIỆU LỎ LỪNG VÀ AEROTANK
AB3.1 : MÁY THỜI KHÍ XÁO TRỘN BỂ AEROTANK
MX1.1 : MÁY GẠT Bùn BỂ LẮNG SINH HỌC BẬC 2
MX2.1/2 : MÁY GẠT Bùn BỂ LẮNG HÓA LÝ
MX4.1 : HỆ THỐNG KHUYA ĐÀO NƯỚC KHÔNG CẤP KHÍ BỂ AEROTANK
MX5.1 : ống TRỘN NƯỚC CẤP KHÍ BỂ AEROTANK
MX6.1/2 : MOTOR KHUYA HÓA CHẤT
BPF : MÁY ÉP Bùn
PS1-8 : BƠM Bùn

MƯỜN DẪN NƯỚC THẢI
TỪ NHÀ MÁY

Lần chỉnh sửa: 07

Ngày: 28-10-2016

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

CHỈ DẪN TỰ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỆT
PHƯỚC THỊNH

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

CHỈ DẪN TỰ

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

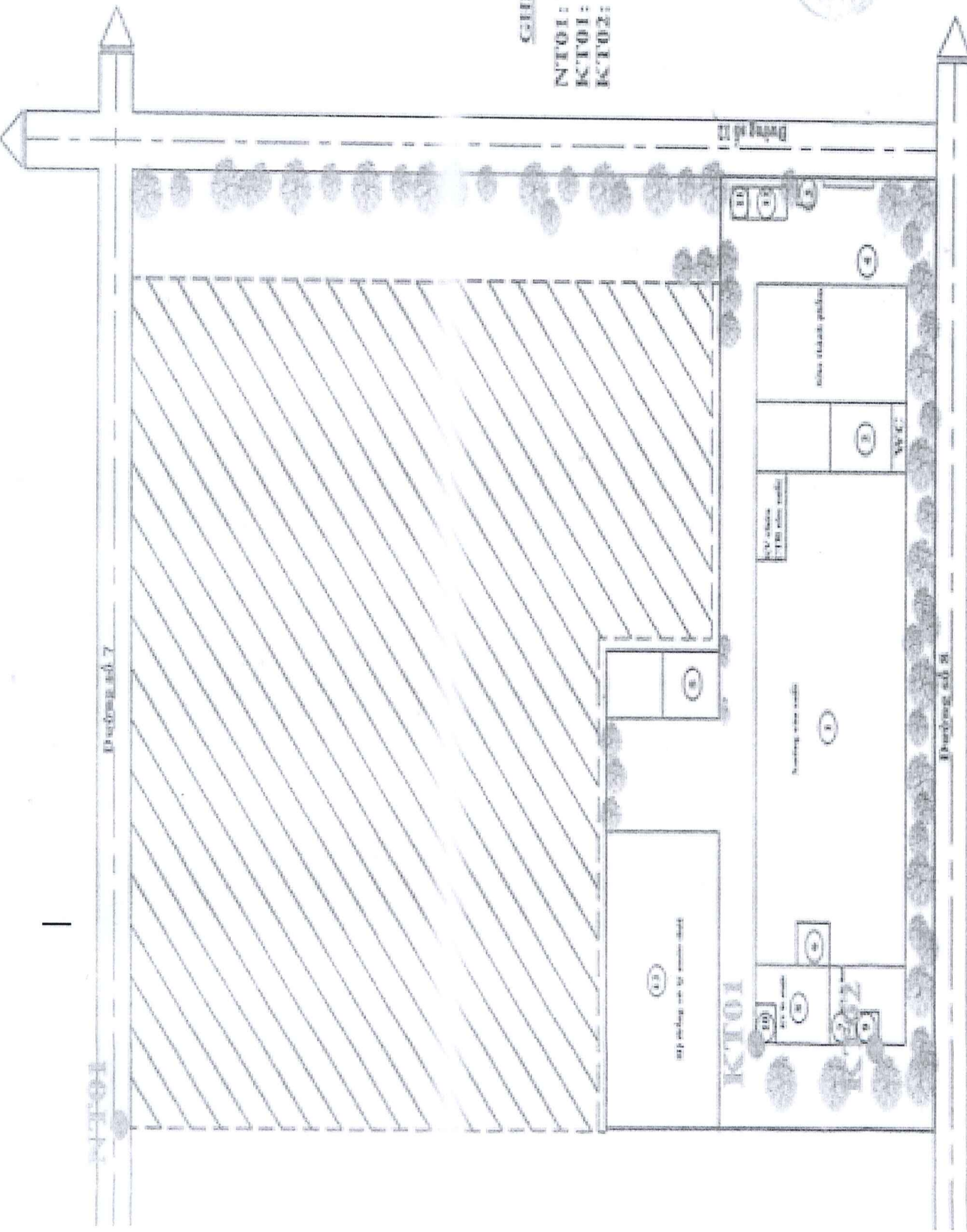
THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

THAY XÁC SỬA XUẤT
CÔNG SUẤT TRÊN NGUYÊN ĐIỀU

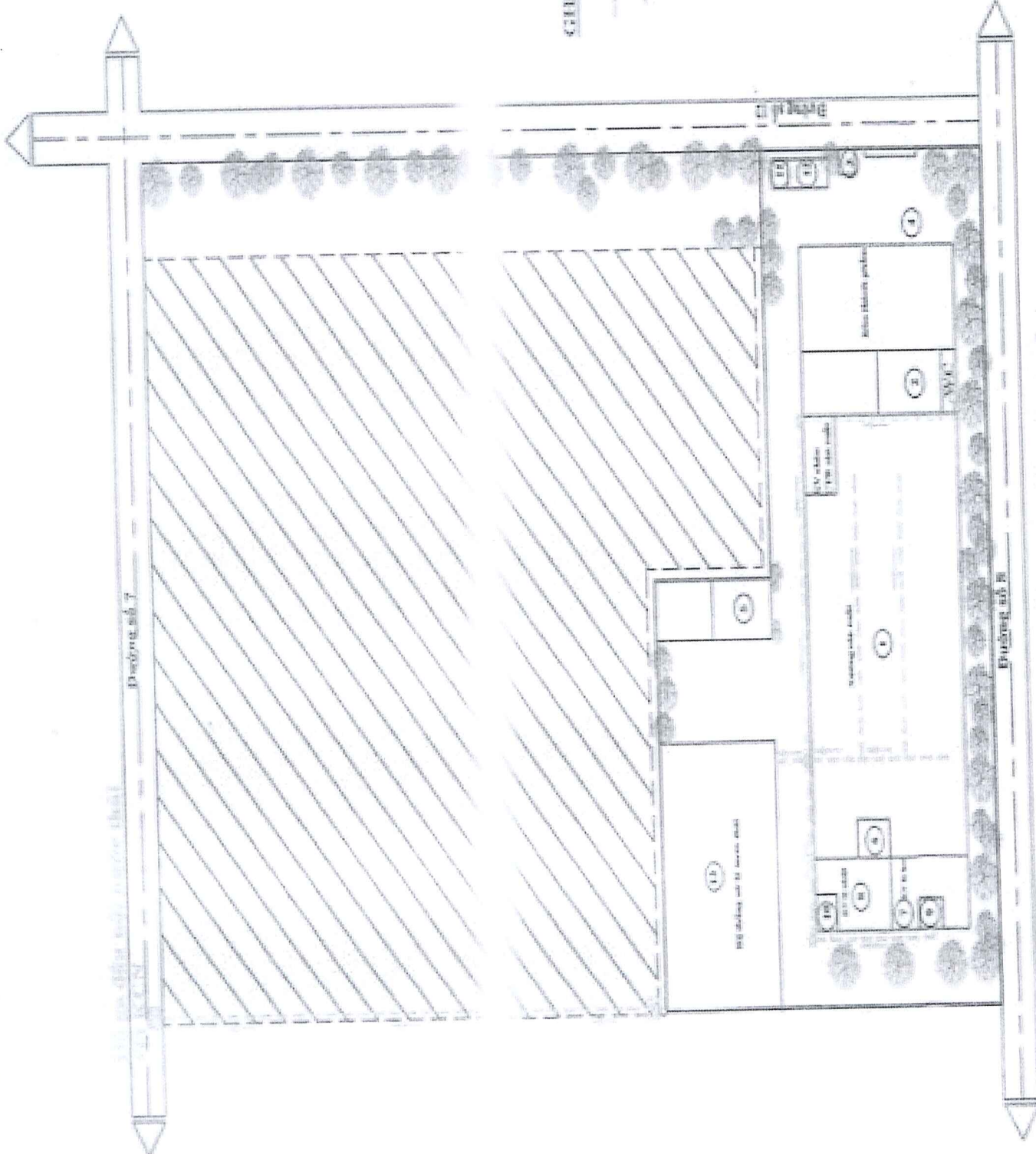


GIẢI THÍCH:

- NT01: Vị trí giám sát nước thải
- KT01: Vị trí giám sát khí thải lò hơi
- KT03: Vị trí giám sát khí thải lò hơi

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Việt Nam
 Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Việt Nam
 Ngày: 15/05/2018
 Địa điểm: Khu vực xây dựng
 Người lập: Nguyễn Văn A
 Người duyệt: Nguyễn Văn B
 Chức vụ: Giám đốc
 Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Việt Nam
 Số bản vẽ: 01/01
 Tỷ lệ: 1/1000

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT



CHỈ CHỈ:

- Đường dẫn nước thải
- Đường dẫn nước thải

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ DOANH NGHIỆP
ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG SỐ 7, QUẬN TÂY, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MẶT BẰNG THIẾT KẾ	
Số bản vẽ	03

MẶT BẰNG THIẾT KẾ

PHỤ LỤC KẾT QUẢ

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	 
Ngày: 22/06/2023 Trang: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 150623	

- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 150623.015: Ống thoát khí thải lò hơi
- Ngày lấy mẫu: 15/06/2023 Thời gian thử nghiệm: 15/06 – 22/06/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	86,2	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP-47	31,7	500
3	NO _x	mg/Nm ³	HDPP-47	69,4	850
4	CO	mg/Nm ³	HDPP-47	258	1000

P. Phòng thí nghiệm


Nguyễn Công Trí


 Giám đốc
 ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



VILAS 495

Ngày: 22/06/2023

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 150623

- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 150623.015: Ống thoát khí thải lò nhiệt
- Ngày lấy mẫu: 15/06/2023 Thời gian thử nghiệm: 15/06 – 22/06/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	57,3	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP-47	28,7	500
3	NO _x	mg/Nm ³	HDPP-47	46,1	850
4	CO	mg/Nm ³	HDPP-47	194	1000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

BM 7.8/01



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



VILAS 495

Ngày: 22/06/2023

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 150623

- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
- Tên mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - NT. 150623.021: Sau hệ thống xử lý nước thải
- Ngày lấy mẫu: 15/06/2023
Thời gian thử nghiệm: 15/06 – 21/06/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,95
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017	15,3
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	32,0
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	37,4
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	18,2
6	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr-B:2017	KPH
7	Xyanua	mg/L	SMEWW 4500 CN-C&E:2017	KPH
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,31
9	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH
10	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,49
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH
12	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH
13	Amoni	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2017	4,36
14	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	16,5
15	Tổng Phospho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,78
16	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500 S ₂ -C&D:2017	KPH
17	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU
DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG
ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

BM 7.8/01

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	 
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 150323	
Ngày: 22/03/2023 Trang: 1/1		

- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
- Tên mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 150323.099: Ống thoát khí thải lò hơi
- Ngày lấy mẫu: 15/03/2023
Thời gian thử nghiệm: 15/03 – 22/03/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	83,3	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP-47	28,2	500
3	NO _x	mg/Nm ³	HDPP-47	62,4	850
4	CO	mg/Nm ³	HDPP-47	222	1000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 22/03/2023

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 150323

- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 150323.100: Ống thoát khí thải lò nhiệt
- Ngày lấy mẫu: 15/03/2023 Thời gian thử nghiệm: 15/03 – 22/03/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US-EPA Method 5	55,4	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP-47	24,6	500
3	NO _x	mg/Nm ³	HDPP-47	44,9	850
4	CO	mg/Nm ³	HDPP-47	186	1000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	
Ngày: 22/03/2023 Trang: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 150323	



- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
- Tên mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - NT. 150323.101: Sau hệ thống xử lý nước thải
- Ngày lấy mẫu: 15/03/2023
Thời gian thử nghiệm: 15/03 – 22/03/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,06
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017	16,9
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	33,0
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	35,5
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	19,5
6	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr-B:2017	KPH
7	Xyanua	mg/L	SMEWW 4500 CN'C&E:2017	KPH
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,28
9	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH
10	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,48
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH
12	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH
13	Amoni	mg/L	SMEWW 4500-NH3- B&F:2017	4,12
14	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	14,6
15	Tổng Phospho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,66
16	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500 S ₂ ⁻ C&D:2017	KPH
17	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 7.8/01

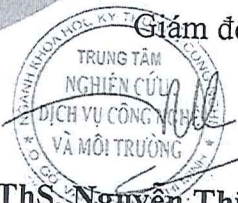
	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  VILAS 495
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 180923	
Ngày: 25/09/2023 Trang: 1/1		

- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
- Tên mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 180923.120: Ống thoát khí thải lò hơi
- Ngày lấy mẫu: 18/09/2023
Thời gian thử nghiệm: 18/09 – 25/09/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	89,4	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP-47	36,8	500
3	NO _x	mg/Nm ³	HDPP-47	77,5	850
4	CO	mg/Nm ³	HDPP-47	295	1000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

 ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514		  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 180923		
Ngày: 25/09/2023 Trang: 1/1			

- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
- Tên mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT. 180923.121: Ống thoát khí thải lò nhiệt
- Ngày lấy mẫu: 18/09/2023
Thời gian thử nghiệm: 18/09 – 25/09/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US-EPA Method 5	62,3	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP-47	33,5	500
3	NO _x	mg/Nm ³	HDPP-47	51,5	850
4	CO	mg/Nm ³	HDPP-47	225	1000

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 25, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 25/09/2023

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 180923

- Đơn vị: **CHI NHÁNH 1- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH**
 - Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, phường An Thịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
 - Tên mẫu: Nước thải
 - Ký hiệu mẫu:
 - NT. 180923.122: Sau hệ thống xử lý nước thải
 - Ngày lấy mẫu: 18/09/2023
 - Kết quả thử nghiệm:
- Số lượng: 01 mẫu
- Thời gian thử nghiệm: 18/09 – 25/09/2023

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,22
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017	18,8
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	35,0
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	40,2
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	21,2
6	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr-B:2017	KPH
7	Xyanua	mg/L	SMEWW 4500 CN-C&E:2017	KPH
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,35
9	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH
10	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,52
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH
12	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH
13	Amoni	mg/L	SMEWW 4500-NH3- B&F:2017	4,44
14	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	17,8
15	Tổng Phospho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,85
16	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500 S ₂ - C&D:2017	KPH
17	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH

P. Phòng thí nghiệm

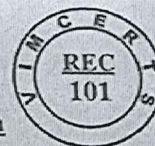
Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
 - (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



Mã số: 14.06.22-02911/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CHI NHÁNH 1 – CÔNG TY CP DẦU DỆT PHƯỚC THỊNH
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu.
- Kí hiệu mẫu: 0614/NT/A-GWC-PT/001: Hồ ga thu gom sau khi qua HTXL
- Ngày lấy mẫu: 14/06/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	TIÊU CHUẨN TIẾP NHẬN CỦA KCN TRẢNG BÀNG
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	6,85	5,5 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	52	100
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	69	80
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	32	50
5	Độ màu ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	27,4	50
6	CN ⁻ ^(a)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,008)	0,1
7	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	0,41	2
8	Cr ⁶⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr ⁶⁺ .B:2017	KPH (MDL=0,005)	0,1
9	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	2,04	--

Ghi chú: Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh



Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b): Chỉ tiêu đo hiện trường
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



Mã số: 22.03.23-...9359.../QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CHI NHÁNH 1 – CÔNG TY CP DẦU DỆT PHƯỚC THỊNH
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 02 mẫu.
- Kí hiệu mẫu:
 - 0323/KT/A-GWC-PT/001: Ống thoát khí thải lò hơi
 - 0323/KT/A-GWC-PT/002: Ống thoát khí thải lò nhiệt
- Ngày lấy mẫu: 23/03/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/BTNMT CỘT B
				0323/KT/A- GWC-PT/001	0323/KT/A- GWC-PT/002	
1	Bụi ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	65,9	84,3	200
2	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	HDKT-01	91,7	183	7,5
3	NO _x ^{(a)(b)}	mg/Nm ³		263	227	850
4	CO ^{(a)(b)}	mg/Nm ³		371	462	1000

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám Đốc



Nguyễn Thị Thúy Vân



Mã số: 14.06.22-...02912/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

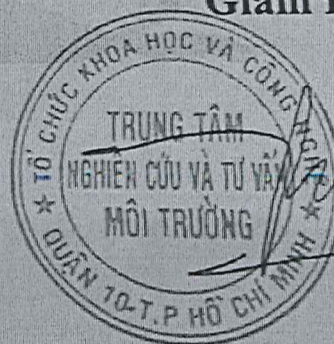
- Địa điểm lấy mẫu: CHI NHÁNH 1 – CÔNG TY CP DẦU DỆT PHƯỚC THỊNH
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 02 mẫu.
- Kí hiệu mẫu:
 - 0614/KT/A-GWC-PT/001: Ống thoát khí thải lò hơi
 - 0614/KT/A-GWC-PT/002: Ống thoát khí thải lò nhiệt
- Ngày lấy mẫu: 14/06/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/BTNM CỘT B
				0614/KT/A- GWC-PT/001	0614/KT/A- GWC-PT/002	
1	Bụi(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	71,4	86,2	200
2	SO ₂ (a)(b)	mg/Nm ³	HDKT-01	78,6	165	7,5
3	NO _x (a)(b)	mg/Nm ³		237	265	850
4	CO(a)(b)	mg/Nm ³		433	536	1000

P. Phòng thí nghiệm

Giám Độc

Phạm Trúc Linh



Nguyễn Thị Thúy Vân



Mã số: 22.03.23-...9558.../QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CHI NHÁNH 1 – CÔNG TY CP DẦU DỆT PHƯỚC THỊNH
- Địa chỉ: Đường số 12, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu.
- Kí hiệu mẫu: 0323/NT/A-GWC-PT/001: Hồ ga thu gom sau khi qua HTXL
- Ngày lấy mẫu: 23/03/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	TIÊU CHUẨN TIẾP NHẬN CỦA KCN TRẢNG BÀNG
1	pH (a)(b)	--	TCVN 6492:2011	6,61	5,5 - 9
2	TSS(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	63	100
3	COD(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	72	80
4	BOD ₅ (a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	41	50
5	Độ màu(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	31,2	50
6	CN ⁻ (a)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,008)	0,1
7	Clo dư (a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	0,50	2
8	Cr ⁶⁺ (a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr ⁶⁺ .B:2017	KPH (MDL=0,005)	0,1
9	Chất hoạt động bề mặt(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	1,94	--

Ghi chú: Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b): Chỉ tiêu đo hiện trường
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

